

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN DI CHUYỂN GPMB  
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG □**

STT	Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Số BBKK	Diện tích đất thu hồi (m2)	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án chia ra (đồng)				Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Truy thu nghĩa vụ tài chính (đồng)	Tiền sử dụng đất dự kiến phải nộp (đồng)	Ghi chú		
									Giá trị điều chỉnh, bổ sung	Đất	Cây cối hoa màu	Vật kiến trúc					Chính sách hỗ trợ	
1	Bà Đoàn Thị Thanh (CCCD số 031145007348)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	285+285a	131,3	2.000.293.000					0	0		0		2.000.293.000	0	0	Điều chỉnh Tài định cư
2	Ông Phạm Văn Dy (CCCD số 031057015263) và vợ là bà Vũ Thị Thiếc (CCCD số 031158018330)	TDP Đôn Lương, thị trấn Cát Hải	327+327a	491,00		2.403.330.400				1.982.285.600	2.102.085.600		0	-119.800.000	4.385.616.000	0	0	Điều chỉnh Tài định cư và đất
3	Ông Lê Văn Xuân (CCCD số 031067002519) và vợ là Nguyễn Thị Phương (CCCD số 031169002794)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	352+352a	240,1		3.152.092.000				65.687.200	97.327.200		0	-31.640.000	3.217.779.200	0	0	Điều chỉnh Tài định cư và đất
4	Ông Lê Đức Vinh (CCCD số 031063005884) và vợ là Đỗ Thị Mai (CCCD số 031165013853)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	314+314a	319,40	6.462.781.000					75.222.200	106.342.200		0	-31.120.000	6.538.003.200	0	0	Điều chỉnh Tài định cư và đất
5	Bà Hà Thị Tâm (CCCD số 031157002624)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	790+790a	173,2	2.298.411.000					-37.328.000	18.192.000		0	-55.520.000	2.261.083.000	0	0	Điều chỉnh Tài định cư và đất
6	Bà Lương Thị Mây (CCCD số 031152003127) - đại diện thừa kế của ông Nguyễn Đình Như (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	348+348a	528,30	7.294.140.000					158.667.900	207.027.900		0	-48.360.000	7.452.807.900	0	0	Điều chỉnh Tài định cư và đất
7	Ông Đồng Văn Nghị (CCCD số 031068000794) và vợ là bà Đỗ Thị Thu Hằng (CCCD số 031171009186)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	331+331a	154,7	2021099000					54.382.000	85.502.000		0	-31.120.000	2.075.481.000	14.889.600,0	0	Điều chỉnh Tài định cư và đất
8	Ông Chu Tiến Ngán (CCCD số 031037005337) - Đại diện những người được hưởng thừa kế của bà Phạm Thị Tê (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	301+301a	141,9	2.231.217.000					64.379.700	78.059.700		0	-13.680.000	2.295.596.700	0	0	Điều chỉnh Tài định cư và đất
9	Bà Nguyễn Thị Dâu (CCCD số 03115002556)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	316+316a	149,4	1.550.241.000					155.402.840	205.478.840		0	-50.076.000	1.705.643.840	0	0	Điều chỉnh Tài định cư và đất

STT	Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Số BBKK	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	Giá trị BHTT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án chia ra (đồng)					Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Truy thu nghĩa vụ tài chính (đồng)	Tiền sử dụng đất dự kiến phải nộp (đồng)	Ghi chú	
									Giá trị điều chỉnh, bổ sung	Đất	Cây cối hoa màu	Vật kiến trúc	Chính sách hỗ trợ					
10	Bà Lê Thị Nga (CCCD số 031168004289) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đào Văn Toàn (đã chết)	Thôn 17 Cát Bà, đặc khu Cát Hải	304+304a	294,70	1.900.613.000					657.468.360	741.276.360		0	-83.808.000	2.558.081.360	0	117.180.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
11	Bà Nguyễn Thị Liệt (CCCD số 031038006421) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Bé (đã chết)	Thôn Hòa Hy, đặc khu Cát Hải.	351+351a	127,00	764.924.000					358.701.000	395.181.000		0	-36.480.000	1.123.625.000	0	55.800.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
12	Bà Nguyễn Thị Ân (CCCD số 031157003767)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	324+324a	250,7	3.114.769.000					167.028.000	231.948.000		0	-64.920.000	3.281.797.000	0	139.500.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
13	Ông Tô Quang Nhân (CCCD số 031052002910) và vợ là Nguyễn Thị Thành (CCCD số 031154003574)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	312, 312a	415,3	4.641.067.000,0					388.683.920	420.871.920		0	-32.188.000	5.029.750.920	0	139.500.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
14	Bà Phạm Thị Sai (CCCD số 031158008406) - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Đinh Văn Biên (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	353+353a	148,8		2.301.941.000				114.261.300	114.261.300		0	0	2.416.202.300	0	223.200.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
15	Ông Đỗ Văn Tiệp (CCCD số 031058000098) và vợ là bà Đào Thị Tý (CCCD số 031158006679)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	322+322a	346,40		5.331.091.000				125.985.200	151.903.200	8.122.000		-34.040.000	5.457.076.200	0	0	Điều chỉnh Tài định cư, VKT và đất
16	Ông Phạm Tiến Thuận (CCCD số 031055008056) và vợ là Hoàng Thị Non (CCCD số 031156012137)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	345, 345a	163,8	2.334.738.000					11.836.800	98.236.800		0	-86.400.000	2.346.574.800	0	27.900.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
17	Ông Lê Văn Tiến (CCCD số 031061008934) và vợ là bà Chu Thị Hiền (CCCD số 031165017851)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	323+323a	262,40		2.572.495.000				83.126.300	146.286.300		0	-63.160.000	2.655.621.300	0	66.402.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
18	Bà Phạm Thị Tiêu (CCCD số 031149001869) - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Đa (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	824+824a	455,6	4.749.125.000					746.350.400	794.990.400		0	-48.640.000	5.495.475.400	0	139.500.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất

STT	Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Số BBKK	Diện tích đất thu hồi (m2)	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án chia ra (đồng)					Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Truy thu nghĩa vụ tài chính (đồng)	Tiền sử dụng đất dự kiến phải nộp (đồng)	Ghi chú
									Giá trị điều chỉnh, bổ sung	Đất	Cây cối hoa màu	Vật kiến trúc	Chính sách hỗ trợ				
19	Bà Đỗ Thị Loan (CCCD số 031162003978)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	326+326a	414,9			4.904.720.000			301.942.500	363.982.500	0	-62.040.000	5.206.662.500		558.000.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
20	Bà Lê Thị Bích Hương (CCCD số 031173003496) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Lê Hồng Bản (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	320+320a	402,30	5.706.418.000					173.439.200	208.159.200	0	-34.720.000	5.879.857.200		53.847.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
21	Bà Bùi Thị Xuyên - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trần Văn Khuya (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	320+320a	770,20	8.409.825.000					542.931.600	590.691.600	0	-47.760.000	8.952.756.600		209.250.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
22	Ông Đỗ Trọng Bình (CCCD số 031080001612) - Là người đại diện cho những người được hưởng thừa kế của bà Bùi Thị Lịnh (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	825, 825a	172,3	2672436000					113.515.200	147.355.200	0	-33.840.000	2.785.951.200		27.900.000	Điều chỉnh Tài định cư và đất
23	Ông Nguyễn Việt Uống (CCCD số 031058012552) và vợ là bà Bùi Thị Thúy (CCCD số 031161008561)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	358+358a	422,3		3.908.089.000				358.596.400	201.974.400	413.000	156.209.000	0	4.266.685.400		Điều chỉnh Tài định cư, VKT và đất
24	Ông Phạm Duy Linh (CCCD số 031076025258) và vợ là bà Nguyễn Thị Hiền (CCCD số 031180012711)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	286+286a	129		2.015.396.000				0	0	0	0	2.015.396.000			Điều chỉnh Tài định cư
25	Bà Nguyễn Thị Chiêm (CCCD số 031163000453) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đỗ Văn Thắng (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	305+305a	171,3		2.105.855.000				321.638.200	321.638.200	0	0	2.427.493.200		9.765.000	Điều chỉnh Tài định cư và điều chỉnh vị trí thửa đất
26	Bà Nguyễn Thị Kim Dung (CCCD số 027144002206) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Xuân Trúc (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	342+342a	196,2		3.760.584.000		76.200.000		0	0	0	0	3.836.784.000			Điều chỉnh Tài định cư
27	Bà Phạm Thị Tào (CCCD số 031165015964)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	294+294a	34,70		714.130.000				2.912.000	0		2.912.000	0	717.042.000		Điều chỉnh Tài định cư và VKT

STT	Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Số BBKK	Diện tích đất thu hồi (m2)	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án chia ra (đồng)					Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Truy thu nghĩa vụ tài chính (đồng)	Tiền sử dụng đất dự kiến phải nộp (đồng)	Ghi chú
									Giá trị điều chỉnh, bổ sung	Đất	Cây cối hoa màu	Vật kiến trúc	Chính sách hỗ trợ				
28	Ông Dương Quang Độ (CCCD số 031056009187) và vợ là Nguyễn Thị Thoa (CCCD số 022157001844)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	283+283a	75,3	900.796.000					0	0		0	900.796.000			Điều chỉnh Tài định cư
29	Bà Tô Thị Vè (CCCD số 031159005794)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	307+307a	224,6		2.711.048.000				485.809.800	485.809.800		0	3.196.857.800			Điều chỉnh vị trí thửa đất
30	Ông Bùi Văn Tuệ (CCCD số 031059004663) Vợ là bà Đỗ Thị Tuyết (CCCD số 031162005689)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	315+315a	145,9	2.184.178.000					0	0		0	2.184.178.000			Điều chỉnh Tài định cư
31	Bà Lê Thị Thủy (CCCD số 031163019650)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	325+325a	132,1	1.686.586.000					0	0		0	1.686.586.000			Điều chỉnh Tài định cư
32	Bà Hà Thị Quyết (CCCD số 031161012305) - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Chu Tiến Đức (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	340+340a	126,20	1.460.632.000					0	0		0	1.460.632.000			Điều chỉnh Tài định cư
33	Bà Trần Thị Hoan (CCCD số 031181001943) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đoàn Đức Chiến (đã chết)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	284+284a	92,00		1.083.873.000				0	0		0	1.083.873.000	223.200.000		Điều chỉnh Tài định cư
34	Ông Nguyễn Văn Hiếu (CCCD số 031052002536) và vợ là Đoàn Thị Sáng (CCCD số 031154009867)	Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải	341+341a	168,00		2.581.904.000				77.333.000			77.333.000	2.659.237.000			
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>8.471,3</b>	<b>64.384.289.000,0</b>	<b>34.641.828.000,0</b>	<b>4.904.720.000,0</b>	<b>76.200.000,0</b>	<b>7.550.259.000,0</b>	<b>8.314.582.000,0</b>	<b>413.000,0</b>	<b>244.576.000,0</b>	<b>(1.009.312.000,0)</b>	<b>111.557.296.000,0</b>	<b>14.890.000,0</b>	<b>1.990.944.000,0</b>	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Đoàn Thị Thanh  
(CCCD số 031145007348)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 285+285a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.495.901.000</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>131,3</b>				<b>0</b>	<b>1.495.901.000</b>	
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>2.340.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>2.340.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)</b>	<i>Báo cáo số 113/UBND ngày 29/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>502.052.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>502.052.000</b>	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>2.000.293.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>2.000.293.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>												
<b>I</b>	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải				Phương án bố trí Tái định cư bổ sung					
<b>1</b>	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải												
<b>2</b>	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 437/TB-UBND ngày 7/11/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải							Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải					
	- Bà Đoàn Thị Thanh: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
	- Ông Đoàn Việt Dũng vợ là Ngô Thị Hiền: là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất							- Bà Ngô Thị Hiền và các con Đoàn Bảo Trâm, Đoàn Gia Hân: là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất					
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026									
	- Bà Đoàn Thị Thanh được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Bà Đoàn Thị Thanh: được giao lô số N2-15".21, Lô N2-15"									
	- Ông Đoàn Việt Dũng vợ là Ngô Thị Hiền: được giao lô số N1-42.21, Lô N1-42							- Bà Ngô Thị Hiền và các con Đoàn Bảo Trâm, Đoàn Gia Hân: được giao lô số N1-42.21, Lô N1-42					
<b>4</b>	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026									
	- Bà Đoàn Thị Thanh: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2			- Bà Đoàn Thị Thanh: được giao diện tích là 100,0m2									
	- Ông Đoàn Việt Dũng vợ là Ngô Thị Hiền: được giao diện tích 80,0m2							- Bà Ngô Thị Hiền và các con Đoàn Bảo Trâm, Đoàn Gia Hân: được giao diện tích 80,0m2					



**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Phạm Văn Dỵ (CCCD số 031057015263)  
và vợ là bà Vũ Thị Thiếc (CCCD số 031158018330)

Địa chỉ: TDP Đôn Lương, thị trấn Cát Hải

BBKK số: 327+327a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung				
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>													
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>2.403.330.400</b>		<b>m2</b>	<b>491,00</b>					<b>2.102.085.600</b>	<b>4.505.416.000</b>		
	<i>Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Năm 1984, ông Phạm Văn Dỵ là công nhân cầu đường của huyện Cát Hải được phân bổ ngôi nhà tại khu vực bến Gót. Đến năm 1991, UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý ngôi nhà trên cho ông Dỵ, ngôi nhà có diện tích là 45,82m <sup>2</sup> (là căn nhà số 39 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình đã sử dụng diện tích 491,0m <sup>2</sup> (bao gồm cả diện tích mua nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1991. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 65, tờ bản đồ số 14, diện tích 491,0m <sup>2</sup> , chủ sử dụng là ông Phạm Văn Dỵ, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không có tranh chấp.	2.384.842.400	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	259,90							<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>	
		Nay nhà nước thu hồi 491,0m <sup>2</sup> đất do gia đình ông Phạm Văn Dỵ vợ là Vũ Thị Thiếc đang sử dụng đất vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	18.488.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	231,1	80.000	1,0	100%	-18.488.000				
					<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		9.176.000	1,0	100%	2.120.573.600			<i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i>
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>47.961.000</b>							<b>0</b>	<b>47.961.000</b>			
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2)</b>	<b>Báo cáo số 99/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>859.074.000</b>							<b>0</b>	<b>859.074.000</b>			
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>119.800.000</b>							<b>-119.800.000</b>	<b>0</b>			
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>													
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	92.440.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	231,1	80.000	5,0	100%	-92.440.000				
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 2 khẩu * 30kg = 60kg	27.360.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	60,0	19.000	24,0	100%	-27.360.000				
		<b>Tổng cộng =(I+II+III+IV)</b>	<b>3.430.165.000</b>							<b>1.982.286.000</b>	<b>5.412.451.000</b>			
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>													
			<b>0</b>							<b>0</b>	<b>0</b>			
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993; Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp.	0		m2	259,90								
		<b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất".			m2	231,1					0			
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>													

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Lê Văn Xuân (CCCD số 031067002519)  
và vợ là Nguyễn Thị Phương (CCCD số 031169002794)  
Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 352+352a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>											
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>2.105.830.000</b>		<b>m2</b>	<b>240,1</b>				<b>97.327.200</b>	<b>2.203.157.200</b>	
	<i>Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình ông Nguyễn Tiến Đạt được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý năm 1991, ngôi nhà có diện tích là 70,2m2 (là căn nhà số 34 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Ngày 26/2/1993 ông Đạt chuyển nhượng toàn bộ ngôi nhà cho ông Lê Văn Xuân vợ là Nguyễn Thị Phương (có giấy tờ mua bán nhà lập ngày 26/02/1993). Tháng 3 năm 1993, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông Xuân đã sử dụng diện tích 240,1m2 (bao gồm cả phần diện tích mua nhà thanh lý) vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm.	2.104.974.400	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	229,4				0		<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>
		Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 04, tờ bản đồ số 17, diện tích 240,1m2, chủ sử dụng là ông Lê Văn Xuân, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 240,1m2 đất do gia đình ông Lê Văn Xuân vợ là Nguyễn Thị Phương đang sử dụng ổn định vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ	856.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	10,7	80.000	1,0	100%	-856.000		
				<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>			9.176.000	1,0	100%	98.183.200		
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>9.148.000</b>							<b>0</b>	<b>9.148.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)</b>	<b>Báo cáo số 99/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>1.005.474.000</b>							<b>0</b>	<b>1.005.474.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>31.640.000</b>							<b>-31.640.000</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>											
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	4.280.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	10,7				-4.280.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 2 khẩu * 30kg = 60kg	27.360.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	60,0				-27.360.000		
		<b>Tổng cộng =(I+II+III+IV)</b>	<b>3.152.092.000</b>							<b>65.687.000</b>	<b>3.217.779.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>							<b>0</b>		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất";	0		m2	229,40						
					m2	10,70				0		
C	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CỬ											
D	TỔNG SỐ TIỀN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢP (=I-IV)		2.594.092.000									
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0									

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Lê Đức Vinh (CCCD số 031063005884)  
và vợ là Đỗ Thị Mai (CCCD số 031165013853)  
Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 314+314a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 28/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>3.532.582.000,0</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>319,40</b>				<b>106.342.200</b>	<b>3.638.924.200</b>	
	<i>Vị trí 1, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình bà Đỗ Thị Mai chồng là ông Lê Đức Vinh được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý năm 1991, ngôi nhà có diện tích là 39,27m2 (là căn nhà số 14 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình đã sử dụng diện tích 319,4m2 (bao gồm cả diện tích mua nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1991.	3.531.830.000			m2	310,00						<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>
		Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải do đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 39, tờ bản đồ số 14, diện tích 319,4m2, chủ sử dụng là bà Đỗ Thị Mai, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không tranh chấp.	752.000,0			m2	9,4	80.000	1,0	100%	-752.000		
		Nay nhà nước thu hồi diện tích gia đình bà Đỗ Thị Mai chồng là ông Lê Đức Vinh đang sử dụng ổn định mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa cấp GCNQSDĐ.						11.393.000	1,0	100%	107.094.200		
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>11.752.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>11.752.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2)</b>	<b>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>2.887.327.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>2.887.327.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>31.120.000</b>	<b>0</b>							<b>-31.120.000</b>	<b>0</b>	
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	3.760.000			m2	9,4	80.000	5,0	100%	-3.760.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 2khâu * 30kg = 60kg	27.360.000			kg	60,0	19.000	24,0	100%	-27.360.000		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>6.462.781.000</b>	<b>0</b>							<b>75.222.000</b>	<b>6.538.003.200</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>												
		Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp.	0			m2	310,00						
	Tiền sử dụng đất	<b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất".				m2	9,40				0		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 28/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
C	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÀI ĐỊNH CỤ											
D	TỔNG SỐ TIỀN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)		5.625.781.000									
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0									

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Hà Thị Tâm (CCCD số 031157002624)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 790+790a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BHTT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BHTT điều chỉnh, bổ sung	
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.571.091.200</b>		<b>m2</b>	<b>173,2</b>				<b>18.192.000</b>	<b>1.589.283.200</b>		
	<i>Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình ông Trần Ngọc Toàn và bà Hà Thị Tâm được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý năm 1991, ngôi nhà và bể nước có diện tích là 55,5m2 (là một phần căn nhà số 43 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình đã sử dụng diện tích 173,2m2 (bao gồm cả phần diện tích nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1991. Năm 2019, ông Trần Ngọc Toàn đã lập văn bản xác nhận đồng ý cho bà Hà Thị Tâm được sở hữu toàn bộ tài sản và diện tích đất trên. Theo hồ sơ bán đồ địa chính thị trấn Cát Hải do đặc năm 2013 thừa đất trên được ghi nhận là thửa số 55, tờ bản đồ số 14, diện tích 170,5m2, chủ sử dụng là ông Trịnh Xuân Tiến, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Tuy nhiên, thực tế thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14 là thửa đất của bà Hà Thị Tâm đang sử dụng. Nguyên nhân sai tên chủ sử dụng đất là do khi đo đạc lập bản đồ địa chính năm 2013, cán bộ đo đạc cập nhật thông tin có sự nhầm lẫn nên ghi nhận thửa đất của gia đình bà Tâm thành của gia đình ông Trịnh Xuân Tiến. Diện tích thực tế của gia đình bà Tâm đang sử dụng tăng 2,7m2 so với bản đồ địa chính là do khi đo đạc bản đồ địa chính năm 2013 đã đo sang phần diện tích đất của hộ liền kề là ông Nguyễn Văn Hiếu. Hiện không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi 173,2m2 đất do bà Hà Thị Tâm đang sử dụng đất vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	1.570.931.200	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	171,2						<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>	
			160.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>		m2	2,0	80.000	1,0	100%	-160.000		
			9.176.000	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>				9.176.000	1,0	100%	18.352.000		<i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i>
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>6.520.000</b>						<b>0</b>	<b>6.520.000</b>			
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2)</b>	<b>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>665.280.000</b>						<b>0</b>	<b>665.280.000</b>			
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>55.520.000</b>						<b>-55.520.000</b>	<b>0</b>			
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>												
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	800.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	2,0	80.000	5,0	100%	-800.000			
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 4 khẩu * 30kg = 120kg	54.720.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	120,0	19.000	24,0	100%	-54.720.000			
		<b>Tổng cộng</b>	<b>2.298.411.000</b>						<b>-37.328.000</b>	<b>2.261.083.000</b>			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
B	SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI		0							0	0	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và <u>không phải nộp tiền sử dụng đất</u> ";	0		m2	171,20						
					m2	2,00				0		
C	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ											
D	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)		1.857.591.000									
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0									

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Lương Thị Mây (CCCD số 031152003127) - đại diện thừa kế của ông Nguyễn Đình Như (đã chết)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 348+348a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung	
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>5.811.894.000</b>		<b>m2</b>	<b>528,30</b>				<b>207.027.900,0</b>	<b>6.018.921.900</b>		
	<i>Vị trí 1, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Gia đình bà Lương Thị Mây chồng là Nguyễn Đình Như được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý năm 1991, ngôi nhà có diện tích là 29,25m2 (là căn nhà số 02 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình đã sử dụng diện tích 528,3m2 (bao gồm cả diện tích nhà thanh lý) vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm từ năm 1991. Năm 2015, ông Nguyễn Đình Như chết. Trước khi chết, ông Như không để lại di chúc hay bất kỳ giấy tờ gì về việc phân chia di sản thừa kế. Sau khi ông Như chết, gia đình bà Mây tiếp tục sử dụng toàn bộ thửa đất trên. Ngày 19/6/2024, những người được hưởng thừa kế của ông Như đã họp và thống nhất phần tài sản mà ông Như để lại là đồng sử dụng của những người được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật và nhất trí cử bà Lương Thị Mây là người đại diện đứng ra ký các thủ tục liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải do đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 10, tờ bản đồ số 17, diện tích 528,3m2, chủ sử dụng là bà Lương Thị Mây, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện tại không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 528,3m2 đất do bà Lương Thị Mây đang sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm để thực hiện dự án. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	5.810.430.000	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	510,00						<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>	
		1.464.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	18,3		80.000	1,0	100%	-1.464.000			
			<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>				11.393.000	1,0	100%	208.491.900,0			<i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i>
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>10.072.000</b>							<b>0</b>	<b>10.072.000</b>		
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2)</b>	<b>Báo cáo số 104/UBND ngày 20/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>1.423.814.000</b>							<b>0</b>	<b>1.423.814.000</b>		
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>48.360.000</b>							<b>-48.360.000</b>	<b>0</b>		
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>												
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	7.320.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	18,3	80.000	5,0	100%	-7.320.000			
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng): 3 khâu * 30kg = 90kg	41.040.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	90,0	19.000	24,0	100%	-41.040.000			
		<b>Tổng cộng</b>	<b>7.294.140.000</b>							<b>158.668.000</b>	<b>7.452.808.000</b>		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
B	SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI		0						0	0	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất".	0		m2	510,00					
					m2	18,30			0		
C	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ										
D	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)		6.178.140.000								
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0								

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Đồng Văn Nghị (CCCD số 031068000794)  
và vợ là bà Đỗ Thị Thu Hằng (CCCD số 031171009186)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 331+331a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>											
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.334.025.000</b>		<b>m2</b>	<b>154,7</b>				<b>85.502.000</b>	<b>1.419.527.000</b>	
	<i>Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do ông Đỗ Minh Hiếu (bố đẻ bà Đỗ Thị Thu Hằng) tự sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm từ năm 1992. Năm 1997, bà Hằng lập gia đình với ông Đồng Văn Nghị, sau khi lập gia đình bà Hằng, ông Nghị được ông Đỗ Minh Hiếu tặng cho thửa đất trên (việc tặng cho không lập thành văn bản). Đến năm 1999 gia đình ông Nghị, bà Hằng tiến hành xây dựng nhà ở (có xin phép chính quyền địa phương, được ông Đỗ Đức Quyền - Chủ tịch UBND thị trấn Cát Hải đồng ý, tuy nhiên không được thiết lập bằng văn bản).	1.333.272.800	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	145,3						<i>Số 40/TB-NNMT ngày 18/4/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>
		Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 16, tờ bản đồ số 17, diện tích 154,7m2, chủ sử dụng là bà Đỗ Thị Thu Hằng, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không tranh chấp.	752.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	9,4	80.000	1,0	100%	-752.000		
		Nay nhà nước thu hồi diện tích 154,7m2 gia đình bà Đỗ Thị Thu Hằng chồng là Đồng Văn Nghị đang sử dụng ổn định vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.		<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		9.176.000	1,0	100%	86.254.400,0		
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>14.210.000</b>							<b>0</b>	<b>14.210.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = III.1+III.2+III.3</b>	<b>Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 20/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>641.744.000</b>							<b>0</b>	<b>641.744.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>31.120.000</b>							<b>-31.120.000</b>	<b>-</b>	
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp</b>											
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức	3.760.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	9,4	80.000	5,0	100%	-3.760.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng): 2 khẩu * 30kg = 60kg	27.360.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	60,0	19.000	24,0	100%	-27.360.000		
		<b>Cộng tổng</b>	<b>2.021.099.000</b>							<b>54.382.000</b>	<b>2.075.481.000</b>	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>230.155.200</b>							<b>14.889.600,0</b>	<b>245.044.800</b>	
	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 3, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2014: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp.	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 3, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b><u>Căn cứ: Điểm b, khoản 3, điều 138, Luật đất đai 2024:</u></b> <i>"b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 195 và khoản 2 Điều 196 của Luật này thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở;"</i> <b><u>- Căn cứ điểm a, khoản 3 điều 10 Nghị Định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024:</u></b> <i>"1. Đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004 nay được cấp Giấy chứng nhận quy định theo điểm b khoản 3 Điều 138 Luật Đất đai thì tiền sử dụng đất được tính như sau: a) Đối với phần diện tích đất được công nhận trong hạn mức giao đất ở quy định tại điểm b, khoản 3 điều 138 Luật đất đai 2024: Tiền sử dụng đất = Diện tích đất được công nhận trong hạn mức giao đất ở * Giá đất ở quy định tại bảng giá đất * 20%.</i>	230.155.200		m2	145,30						
	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 3, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2014: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp.	<i>"1. Đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004 nay được cấp Giấy chứng nhận quy định theo điểm b khoản 3 Điều 138 Luật Đất đai thì tiền sử dụng đất được tính như sau: a) Đối với phần diện tích đất được công nhận trong hạn mức giao đất ở quy định tại điểm b, khoản 3 điều 138 Luật đất đai 2024: Tiền sử dụng đất = Diện tích đất được công nhận trong hạn mức giao đất ở * Giá đất ở quy định tại bảng giá đất * 20%.</i>			m2	9,40	7.920.000	1,0	20%	14.889.600,0		
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
<b>D</b>	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢP (=I-IV)</b>		<b>1.630.499.000</b>									
<b>E</b>	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>									

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Chu Tiến Ngần (CCCD số 031037005337) - Đại diện những người được hưởng thừa kế của bà Phạm Thị Tề (đã chết)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

Số BBKK: 301+301a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung	
<b>A PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>														
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.538.607.000</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>141,9</b>				<b>78.059.700</b>	<b>1.616.666.700</b>		
	<i>Vị trí 1, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình ông Lê Hồng Thắng được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý trước năm 1993, ngôi nhà có diện tích là 36m2 (là căn nhà số 31 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bên Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình đã sử dụng diện tích 141,9m2 (bao gồm cả diện tích nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm. Ngày 15/3/1993, ông Lê Hồng Thắng vợ là Chu Thị Kiểm tặng cho ông Chu Tiến Ngần vợ là Phạm Thị Tề là bố mẹ đẻ của bà Kiểm tiếp tục sử dụng (theo biên bản xác minh ngày 25/6/2022 của UBND thị trấn Cát Hải). Năm 2021, bà Phạm Thị Tề chết. Trước khi chết bà Tề không để lại di chúc hay bất kỳ loại giấy tờ nào về việc phân chia di sản thừa kế. Ngày 13/6/2024, những người được hưởng thừa kế của bà Tề đã họp và thống nhất phân tài sản mà bà Tề để lại là đồng sử dụng của những người hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật và nhất trí cử ông Chu Tiến Ngần là người đại diện đứng ra ký các thủ tục liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 43, tờ bản đồ số 14, diện tích 141,9m2, chủ sử dụng là ông Chu Tiến Ngần, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện tại không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 141,9m2 đất do gia đình ông Chu Tiến Ngần đang sử dụng ổn định vào mục đích đất ở đất trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	1.538.055.000	0	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	135,0						<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>	
			552.000	0	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		80.000	1,0	100%	-552.000			
			0	0	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	6,9	11.393.000	1,0	100%	78.611.700,0		<i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i>	
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>4.743.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>4.743.000</b>		
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)</b>	<i>Báo cáo số 113/UBND ngày 29/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>674.187.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>674.187.000</b>		
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>13.680.000</b>	<b>0</b>							<b>-13.680.000</b>	<b>-</b>		
<b>*</b>	<b>Hỗ trợ khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp</b>													
1		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức						<i>Không có nhân khẩu sản xuất nông nghiệp: Không được hỗ trợ</i>						
2		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 1khâu * 30kg = 30kg	13.680.000		<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	30,0	19.000	24,0	100%	-13.680.000			
		<b>Tổng cộng</b>	<b>2.231.217.000</b>	<b>0</b>							<b>64.380.000</b>	<b>2.295.597.000</b>		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
B	SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI		0	0							0	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>'Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và <u>không phải nộp tiền sử dụng đất</u> ".	0			m2	135,00					
						m2	6,90			0		
C	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CỤ											
D	TỔNG SỐ TIỀN BỘI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)		2.016.597.000									
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0									

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Nguyễn Thị Đầu (CCCD số 03115002556)  
Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 316+316a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung	
<b>A PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>														
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.165.416.000</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>149,4</b>				<b>205.478.840</b>	<b>1.370.894.840</b>		
	<i>Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Năm 1982, bà Nguyễn Thị Đầu là công nhân cầu đường của huyện Cát Hải được phân bổ ngôi nhà tại khu vực bến Gót. Đến năm 1991, UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý ngôi nhà trên cho bà Đầu, ngôi nhà có diện tích là 29,67m2 (là căn nhà số 35 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình đã sử dụng diện tích 149,4m2 (bao gồm cả phần diện tích mua nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1991. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 05, tờ bản đồ số 17, diện tích 149,4m2, chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Đầu, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi 149,4m2 đất do bà Nguyễn Thị Đầu đang sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm để thực hiện dự án. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	1.163.609.000		<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	126,81						<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>	
			1.807.000		<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		80.000	1,0	100%	-1.807.000			
					<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	22,59	9.176.000	1,0	100%	207.285.840			
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>2.987.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>2.987.000</b>		
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2)</b>	<b>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>331.762.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>331.762.000</b>		
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>50.076.000</b>	<b>0</b>							<b>-50.076.000</b>	<b>-</b>		
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>													
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	9.036.000		<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	22,59	80.000	5,0	100%	-9.036.000			
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng): 3khâu * 30kg = 90kg	41.040.000		<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	90,0	19.000	24,0	100%	-41.040.000			
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1.550.241.000</b>	<b>0</b>							<b>155.403.000</b>	<b>1.705.644.000</b>		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
B	SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI		0	0							0	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993; Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và <u>không phải nộp tiền sử dụng đất</u> ".	0	0	m2	126,81						
					m2	22,59					0	
C	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ											
D	TỔNG SỐ TIỀN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)		1.271.241.000									
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0									

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Lê Thị Nga (CCCD số 031168004289) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đào Văn Toàn (đã chết)

Địa chỉ: Thôn 17 Cát Bà, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 304+304a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>											
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.325.454.740</b>		<b>m2</b>	<b>294,70</b>				<b>741.276.360</b>	<b>2.066.731.100</b>	
	<i>Vị trí 3, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	<p>Do gia đình ông Đào Văn Toàn vợ là Lê Thị Nga được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý năm 1991, ngôi nhà có diện tích là 38,88m2 (là căn nhà số 08 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình tự sử dụng diện tích 324,4m2 (bao gồm cả phần mua nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1991. Năm 2000, ông Toàn, bà và Nga đã chuyển nhượng một phần diện tích thửa đất là 29,7m2 cho ông Lê Văn Việt từ diện tích do gia đình ông Toàn bà Nga tự sử dụng từ năm 1991 để sử dụng.</p> <p>Diện tích còn lại là 294,7m2 gia đình bà Nga tiếp tục sử dụng. Năm 2009, ông Toàn chết, ngày 22/4/2024 gia đình đã họp và thống nhất toàn bộ tài sản của ông Toàn để lại là đồng sử dụng của những người được hưởng thừa kế và cử bà Lê Thị Nga là người đại diện để thực hiện các thủ tục có liên quan đến toàn bộ thửa đất trên.</p> <p>Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 64, tờ bản đồ số 14, diện tích 294,7m2, chủ sử dụng là bà Lê Thị Nga, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện tại không có tranh chấp.</p> <p>Nay nhà nước thu hồi diện tích 294,7m2 đất do gia đình bà Lê Thị Nga đang sử dụng ổn định vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.</p>	1.316.901.140	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	187,78						<p><i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i></p> <p><i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i></p>
			8.553.600	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	106,9	80.000	1,0	100%	-8.553.600		
				<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		7.013.000	1,0	100%	749.829.960		
<b>III</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>14.078.000</b>							<b>0</b>	<b>14.078.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2)</b>	<b>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>477.272.000</b>							<b>0</b>	<b>477.272.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>83.808.000</b>							<b>-83.808.000</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>											
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	42.768.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	106,9	80.000	5,0	100%	-42.768.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 3 khẩu * 30kg = 90kg	41.040.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	90,0	19.000	24,0	100%	-41.040.000		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1.900.613.000</b>							<b>657.468.000</b>	<b>2.558.081.000</b>	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
B	SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI		0							0		
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và <u>không phải nộp tiền sử dụng đất</u> ";	0		m2	187,78						
					m2	106,92				0		
C	PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ											
	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải				Phương án bổ trí Tái định cư bổ sung							
1	Địa điểm khu đất bổ trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải											
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải				Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 và Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải							
	- Bà Lê Thị Nga - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đào Văn Toàn (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, không phải di chuyển chỗ ở.											
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025				Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026							
	- Bà Lê Thị Nga - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đào Văn Toàn (đã chết): được giao lô số N4-30'.13, Lô N4-30'				- Bà Lê Thị Nga - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đào Văn Toàn (đã chết): được giao lô số N4-31'.17, Lô N4-31'.							
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025				Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026							
	- Bà Lê Thị Nga - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đào Văn Toàn (đã chết): được giao diện tích 158,0m2				- Bà Lê Thị Nga - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đào Văn Toàn (đã chết): được giao diện tích 200,0m2							
D	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)		1.459.793.000									
III	Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định = Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):		440.820.000							117.180.000,0	558.000.000	
	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Lê Thị Nga - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đào Văn Toàn (đã chết) phải nộp là:		440.820.000		m2	158,0	2.790.000	1,0	100%	-440.820.000	-	Điều chỉnh diện tích đất giao TĐC
						200,0		1,0	100%	558.000.000,0	558.000.000	
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0							117.180.000,0	117.180.000	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Nguyễn Thị Liệt (CCCD số 031038006421) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Bé (đã chết)

Địa chỉ: Thôn Hòa Hy, đặc khu Cát Hải.

BBKK số : 351+351a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú			
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung					
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>														
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>495.470.000</b>		<b>m2</b>	<b>127,00</b>					<b>395.181.000</b>	<b>890.651.000</b>			
	<i>Vị trí 3, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình bà Nguyễn Thị Liệt, chồng là Trịnh Đình Bé được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý năm 1991, ngôi nhà có diện tích là 28,98m <sup>2</sup> (là căn nhà số 53 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai 2024. Gia đình đã sử dụng diện tích 127,0m <sup>2</sup> (bao gồm cả phần diện tích nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở từ năm 1991. Năm 2002, ông Trịnh Đình Bé chết. Trước khi chết ông Bé không để lại di chúc hay bất kỳ giấy tờ nào về phân chia di sản thừa kế. Ngày 25/4/2024, gia đình đã họp và thống nhất toàn bộ tài sản của ông Bé để lại là đồng sử dụng của những người được hưởng thừa kế và cứ bà Nguyễn Thị Liệt là người đại diện để thực hiện các thủ tục có liên quan đến toàn bộ thửa đất trên. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải do đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 35, tờ bản đồ số 14, diện tích 137,9m <sup>2</sup> , chủ sử dụng là ông Trịnh Đình Bé, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Diện tích thực tế đang sử dụng giảm 10,9m <sup>2</sup> so với bản đồ địa chính là do đã điều chỉnh một phần diện tích làm ngõ đi chung. Hiện không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 127,0m <sup>2</sup> đất do gia đình bà Nguyễn Thị Liệt đang sử dụng liên tục vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	490.910.000	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	70,00							<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>		
			4.560.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	57,00	80.000	1,0	100%	-4.560.000					
			7.013.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	57,00	7.013.000	1,0	100%	399.741.000					<i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i>
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>12.061.000</b>								<b>0</b>	<b>12.061.000</b>			
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2)</b>	<i>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>220.913.000</b>								<b>0</b>	<b>220.913.000</b>			
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>36.480.000</b>								<b>-36.480.000</b>	<b>0</b>			
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>														
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	22.800.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	57,00	80.000	5,0	100%	-22.800.000					
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 12 tháng ) 2khâu * 30kg = 60kg	13.680.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	60,00	19.000	12,0	100%	-13.680.000					
		<b>Tổng cộng</b>	<b>764.924.000</b>								<b>358.701.000</b>	<b>1.123.625.000</b>			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung			
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>							<b>0</b>			
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và <u>không phải nộp tiền sử dụng đất</u> ";	0		m2	70,00							
					m2	57,00				0			
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>												
	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải						Phương án bố trí Tái định cư bổ sung						
<b>1</b>	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải												
<b>2</b>	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải						Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 và Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải						
	- Bà Nguyễn Thị Liệt - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Bé (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, không phải di chuyển chỗ ở.												
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025						Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026						
	- Bà Nguyễn Thị Liệt - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Bé (đã chết): được giao lô số N4-44'.30, Lô N4-44'						- Bà Nguyễn Thị Liệt - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Bé (đã chết): được giao lô số N4-8.36, Lô N4-8						
<b>4</b>	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025						Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026						
	- Bà Nguyễn Thị Liệt - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Bé (đã chết): được giao diện tích 80,0m2						- Bà Nguyễn Thị Liệt - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Bé (đã chết): được giao diện tích 100,0m2						
<b>D</b>	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>541.724.000</b>										
<b>III</b>	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>223.200.000</b>								<b>55.800.000</b>	<b>279.000.000</b>	
	Tiền sử dụng đất hộ gia đình bà Nguyễn Thị Liệt - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Bé (đã chết) phải nộp là:		223.200.000		m2	80,00	2.790.000	1,0	100%	-223.200.000	0	Điều chỉnh diện tích đất giao TDC	
				100,00		1,0		100%	279.000.000	279.000.000			
<b>E</b>	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>								<b>55.800.000</b>	<b>55.800.000</b>	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Nguyễn Thị Ân (CCCD số 031157003767)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 324+324a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú			
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>														
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>2.068.475.000</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>250,7</b>				<b>231.948.000,0</b>	<b>2.300.423.000</b>			
1	Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chõ Bền Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356	Năm 1987, bà Nguyễn Thị Ân là công nhân cầu đường của huyện Cát Hải được phân bổ ngôi nhà tại khu vực bến Gót. Đến năm 1991, UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý ngôi nhà trên cho bà Ân, ngôi nhà có diện tích là 31,82m2 (là căn nhà số 37 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình đã sử dụng diện tích 250,7m2 (bao gồm cả diện tích mua nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1991. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 14, tờ bản đồ số 17, diện tích 250,7m2, chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Ân, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi 250,7m2 đất do bà Nguyễn Thị Ân đang sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm để thực hiện dự án. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	2.066.435.000		Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất	m2	225,20							TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025	
			2.040.000		Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất	m2		80.000	1,0	100%	-2.040.000				
						Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất	m2		9.176.000	1,0	100%	233.988.000,0			
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>20.440.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>20.440.000</b>			
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2)</b>	<b>Báo cáo số 99/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>960.934.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>960.934.000</b>			
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>64.920.000</b>	<b>0</b>							<b>-64.920.000</b>	<b>0</b>			
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>														
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	10.200.000		Khoản 1, điều 14 Quyết định 171	m2	25,5	80.000	5,0	100%	-10.200.000				
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 4 khẩu * 30kg = 60kg	54.720.000		Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171	kg	120,0	19.000	24,0	100%	-54.720.000				
		<b>Tổng cộng</b>	<b>3.114.769.000</b>	<b>0</b>							<b>167.028.000</b>	<b>3.281.797.000</b>			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
B	SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI		0	0							0	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất".	0	0	m2	225,20						
					m2	25,50					0	
C	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ											
I	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí Tái định cư bổ sung					
1	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải											
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải						Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 và Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải					
	- Bà Nguyễn Thị Ân: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
	- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa và con gái Nguyễn Bảo Ngọc: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026					
	- Bà Nguyễn Thị Ân: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải						- Bà Nguyễn Thị Ân: được giao lô số N4-12'.01, Lô N4-12'					
	- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa và con gái Nguyễn Bảo Ngọc: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa và con gái Nguyễn Bảo Ngọc: được giao lô số N1-42.33, Lô N1-42								
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026					
	- Bà Nguyễn Thị Ân: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2						- Bà Nguyễn Thị Ân: dự kiến được giao diện tích là 150,0m2					
	- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa và con gái Nguyễn Bảo Ngọc: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2			- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa và con gái Nguyễn Bảo Ngọc: được giao diện tích là 100,0m2								

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
D	TỔNG SỐ TIỀN BÒI THUỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)		2.556.769.000										
III	Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):		558.000.000								139.500.000,0	697.500.000,0	
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Nguyễn Thị Ân dự kiến phải nộp là:		279.000.000				100,0		1,0	100%	-279.000.000		Điều chỉnh diện tích đất giao TĐC
						m2	150,0		1,0	100%	418.500.000,00		
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Nguyễn Nhân Nghĩa và con gái Nguyễn Bảo Ngọc dự kiến phải nộp là:		279.000.000										
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0								139.500.000,0	139.500.000	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Tô Quang Nhân (CCCD số 031052002910)  
và vợ là Nguyễn Thị Thành (CCCD số 031154003574)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 312, 312a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung				
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>													
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>3.389.921.000</b>		<b>m2</b>	<b>415,3</b>					<b>420.871.920</b>	<b>3.810.792.920</b>		
	<i>Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Ngày 06/12/1991, ông Tô Quang Nhân có đơn gửi UBND thị trấn Cát Hải đề nghị cấp mặt bằng để sản xuất với diện tích 100,0m2 và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Hải nhất trí. Tháng 01/1992, gia đình ông Nhân có làm đơn đề nghị UBND huyện Cát Hải thành lập Tổ hợp sản xuất đóng tàu Hồng Minh và UBND huyện đã đồng ý quyết định cấp cho mặt bằng để sản xuất. Từ năm 1992, ông Nhân không sản xuất trên diện tích 100,0m2 đã được UBND thị trấn cho phép sử dụng từ năm 1991, mà chuyển ra khu vực đất được UBND huyện cấp cho phép quai đập từ năm 1992 để tiếp tục sản xuất. Phần diện tích 100,0m2 ông Nhân đã sử dụng vào mục đích đất ở và có tự sử dụng thêm với diện tích 315,3m2 để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1992.	3.386.219.280	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	369,03							<i>Thông báo số 10/TB-TNMT ngày 18/02/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>	
		Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 40, tờ bản đồ số 14, diện tích 415,3m2, chủ sử dụng là ông Tô Quang Việt (ông Việt là con trai ông Tô Quang Nhân), mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không tranh chấp. Thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	3.701.600	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		80.000	1,0	100%	-3.701.600				
		Nay nhà nước thu hồi 415,3m2 đất do gia đình ông Tô Quang Nhân vợ là Nguyễn Thị Thành sử dụng để thực hiện dự án: trong đó: - Diện tích 100,0m2 sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1992. - Diện tích 315,3m2 sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm từ năm 1992.			<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		9.176.000	1,0	100%	424.573.520			
<b>II</b>	<b>Cây cối, hoa màu</b>		<b>17.637.000</b>							<b>0</b>	<b>17.637.000</b>			
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc= III.1+III.2+III.3</b>	<b>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>1.201.321.000</b>							<b>0</b>	<b>1.201.321.000</b>			
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>32.188.000</b>							<b>-32.188.000</b>	<b>0</b>			
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp</b>													
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức	18.508.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	46,27	80.000	5,0	100%	-18.508.000				
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng): 1khâu * 30kg = 30kg	13.680.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	30,0	19.000	24,0	100%	-13.680.000				
		<b>Cộng tổng</b>	<b>4.641.067.000</b>							<b>388.684.000</b>	<b>5.029.751.000</b>			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>							<b>0</b>		
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất";	0		m2	369,03						
					m2	46,27				0		
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải						Phương án bố trí Tái định cư bổ sung					
<b>1</b>	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải											
<b>2</b>	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải						Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 và Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải					
	- Ông Tô Quang Nhân và vợ là Nguyễn Thị Thành: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
	- Ông Tô Thanh Việt vợ là Đỗ Thị Huyền: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025						Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026					
	- Ông Tô Quang Nhân và vợ là Nguyễn Thị Thành được giao lô số N4-25'.20, Lô N4-25'											
	- Ông Tô Thanh Việt vợ là Đỗ Thị Huyền được giao lô số N4-11.28, Lô N4-11						- Ông Tô Thanh Việt vợ là Đỗ Thị Huyền được giao lô số N4-44'.33, Lô N4-44'					
<b>4</b>	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025						Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026					
	- Ông Tô Quang Nhân và vợ là Nguyễn Thị Thành được giao diện tích 200,0m2											
	- Ông Tô Thanh Việt vợ là Đỗ Thị Huyền được giao diện tích 150,0m2						- Ông Tô Thanh Việt vợ là Đỗ Thị Huyền được giao diện tích 200,0m2					
<b>D</b>	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>3.664.567.000</b>									
<b>III</b>	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>976.500.000</b>							<b>139.500.000,0</b>	<b>1.116.000.000</b>	
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Tô Quang Nhân và vợ là Nguyễn Thị Thành phải nộp là:		558.000.000									
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Tô Thanh Việt vợ là Đỗ Thị Huyền phải nộp là:		418.500.000		m2	150,0	2.790.000	1,0	100%	-418.500.000		Điều chỉnh diện tích đất giao TĐC
					200,0	1,0		100%	558.000.000,0			
<b>E</b>	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>							<b>139.500.000,0</b>	<b>139.500.000</b>	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Phạm Thị Sai (CCCD số 031158008406) - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Đinh Văn Biên (đã chết)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 353+353a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung	
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.581.017.000</b>		<b>m2</b>	<b>148,8</b>					<b>114.261.300</b>	<b>1.695.278.300</b>	
	<i>Vị trí 1, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình bà Phạm Thị Sai chồng là Đinh Văn Biên được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý năm 1991, ngôi nhà có diện tích là 30,25m2 (là căn nhà số 05 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình tự sử dụng diện tích 148,8m2 (bao gồm cả diện tích nhà thanh lý) vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm từ năm 1991. Năm 2021, ông Đinh Văn Biên chết. Trước khi chết, ông Biên không để lại di chúc hay bất kỳ giấy tờ gì về việc phân chia di sản thừa kế. Sau khi ông Biên chết, gia đình bà Sai tiếp tục sử dụng ổn định, liên tục thửa đất nêu trên đến nay. Ngày 22/4/2024, gia đình đã họp và thống nhất toàn bộ tài sản của ông Biên để lại là đồng sử dụng của những người được hưởng thừa kế và cử bà Phạm Thị Sai là người đại diện để thực hiện các thủ tục có liên quan đến toàn bộ thửa đất trên. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 07, tờ bản đồ số 17, diện tích 148,8m2, chủ sử dụng là bà Phạm Thị Sai, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 148,8m2 đất do gia đình bà Phạm Thị Sai đang sử dụng ổn định vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GNCQSDĐ.	1.580.209.000	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GNCQSD đất</i>	m2	138,70							<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>  <i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i>
			808.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GNCQSD đất</i>	m2	10,10	80.000	1,0	100%	-808.000			
			11.393.000	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GNCQSD đất</i>	m2			11.393.000	1,0	100%	115.069.300		
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>6.291.000</b>								<b>0</b>	<b>6.291.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)</b>	<b>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>714.633.000</b>								<b>0</b>	<b>714.633.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>0</b>								<b>0</b>	<b>-</b>	
		<b>Tổng cộng =(I+II+III+IV)</b>	<b>2.301.941.000</b>								<b>114.261.000</b>	<b>2.416.202.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>												
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và <u>không phải nộp tiền sử dụng đất</u> ".	0		m2	138,70							
						m2	10,10				0		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
C	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
	Theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí Tái định cư bổ sung								
1	<b>Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>											
2	<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>			<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>								
	- Bà Phạm Thị Sai - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Đinh Văn Biên (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
				- Ông Đinh Văn Kiên và vợ là Nguyễn Văn Anh là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất.								
3	<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>			<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026</b>								
	- Bà Phạm Thị Sai - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Đinh Văn Biên (đã chết): được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Bà Phạm Thị Sai - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Đinh Văn Biên (đã chết): được giao lô số N1-42.39, Lô N1-42								
				- Ông Đinh Văn Kiên và vợ là Nguyễn Văn Anh: được giao lô số N1-41'.15, Lô N1-41'								
4	<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>			<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026</b>								
	' Bà Phạm Thị Sai - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Đinh Văn Biên (đã chết): dự kiến được giao diện tích là 100,0m2			- Bà Phạm Thị Sai - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Đinh Văn Biên (đã chết): được giao diện tích là 100,0m2								
				- Ông Đinh Văn Kiên và vợ là Nguyễn Văn Anh: được giao diện tích là 80,0m2								
D	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>2.022.941.000</b>									
III	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>279.000.000</b>							<b>223.200.000,0</b>	<b>502.200.000,0</b>	
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình bà Phạm Thị Sai - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Đinh Văn Biên (đã chết) phải nộp là:		279.000.000		m2	100,0						Điều chỉnh diện tích đất giao TDC
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Đinh Văn Kiên và vợ là Nguyễn Văn Anh phải nộp là:				m2	80,0	2.790.000	1,0	100%	223.200.000,0		
E	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>							<b>223.200.000,0</b>	<b>223.200.000,0</b>	



Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
IV	Chính sách hỗ trợ		34.040.000							-34.040.000	0	
1	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>											
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	6.680.000	Khoản 1, điều 14 Quyết định 171	m2	16,7	80.000	5,0	100%	-6.680.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 2 khâu * 30kg = 60kg	27.360.000	Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171	kg	60,0	19.000	24,0	100%	-27.360.000		
		<b>Tổng cộng =(I+II+III+IV)</b>	<b>5.331.091.000</b>							<b>125.985.000</b>	<b>5.457.076.000</b>	
B	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>							<b>0</b>	<b>0</b>	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất";	0		m2	329,70						
					m2	16,70				0		
C	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
	<b>Theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải</b>						<b>Phương án bố trí Tái định cư bổ sung</b>					
1	<b>Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>											
2	<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>											
	- Ông Đỗ Văn Tiệp và vợ là bà Đào Thị Tý: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
	- Ông Đỗ Kiên Trung vợ là Vũ Thị Nhung: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
3	<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>						<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026</b>					
	- Ông Đỗ Văn Tiệp và vợ là bà Đào Thị Tý: được giao lô số N1-41.18, Lô N1-41											
	- Ông Đỗ Kiên Trung vợ là Vũ Thị Nhung: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải						- Ông Đỗ Kiên Trung vợ là Vũ Thị Nhung: được giao lô số N4-8.25, Lô N4-8					

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026								
	- Ông Đỗ Văn Tien và vợ là bà Đào Thị Tý: được giao diện tích 200,0m2											
	- Ông Đỗ Kiên Trung vợ là Vũ Thị Nhung: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2			- Ông Đỗ Kiên Trung vợ là Vũ Thị Nhung: được giao diện tích là 100,0m2								
D	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢP (=I-IV)</b>		4.494.091.000									
E	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		0									

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Phạm Tiến Thuận (CCCD số 031055008056)  
và vợ là Hoàng Thị Non (CCCD số 031156012137)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 345, 345a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>											
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.404.792.000</b>		<b>m2</b>	<b>163,8</b>				<b>98.236.800,0</b>	<b>1.503.028.800,0</b>	
	<i>Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình ông Phạm Tiến Thuận vợ là Hoàng Thị Non tự sử dụng đất từ năm 1990 vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Năm 1991 gia đình ông Thuận bà Non được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý (liên kết với diện tích đất gia đình tự sử dụng từ năm 1990). Tuy nhiên, không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai. Đến tháng 6 năm 1993, gia đình ông Thuận bà Non đã tặng cho bà Phạm Thị Tảo một phần diện tích là 34,7m2 từ diện tích đất do gia đình tự sử dụng từ năm 1990 (việc tặng cho không thiết lập thành văn bản). Năm 2000, khi thực hiện dự án GPMB đường ra Cầu tàu - bến Gót đã thu hồi diện tích 85,0m2 diện tích đất của gia đình ông Thuận (bao gồm toàn bộ diện tích do mua nhà thanh lý và một phần diện tích do gia đình tự sử dụng). Diện tích còn lại sau thu hồi được ghi nhận là 86,0m2 nhỏ hơn diện tích thực tế gia đình ông Thuận đang sử dụng là 77,8m2. Nguyên nhân là do khi thiết lập hồ sơ dự án GPMB đường ra Cầu tàu - bến Gót chưa ghi nhận hết diện tích do gia đình ông Thuận, bà Non sử dụng. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 163,8m2, chủ sử dụng là ông Phạm Tiến Thuận, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Nay nhà nước thu hồi diện tích 163,8m2 đất do gia đình ông Thuận và bà Non sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm từ năm 1990 để thực hiện dự án. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	1.403.928.000	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	153,00						<i>Thông báo số 87/TB-UBND ngày 8/8/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>
		864.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		80.000	1,0	100%	-864.000			
			<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		9.176.000	1,0	100%	99.100.800,00			
<b>II</b>	<b>Cây cối, hoa màu</b>		<b>6.964.000</b>							<b>0</b>	<b>6.964.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc =II.1+III.2+III.3</b>	<b>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>836.582.000</b>							<b>0</b>	<b>836.582.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>86.400.000</b>							<b>-86.400.000</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp</b>											
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức	4.320.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	10,80	80.000	5,0	100%	-4.320.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 6khâu * 30kg = 180kg	82.080.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	180,0	19.000	24,0	100%	-82.080.000		
		<b>Cộng tổng</b>	<b>2.334.738.000</b>							<b>11.837.000</b>	<b>2.346.575.000</b>	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
B	SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI		0							0	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>'Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và <u>không phải nộp tiền sử dụng đất</u> ";	0		m2	153,00					
					m2	10,80			0		
C	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ										
	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải						Phương án bố trí Tái định cư bổ sung				
1	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải										
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải						Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải				
	- Ông Phạm Tiến Thuận và vợ là Hoàng Thị Non: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.										
	- Ông Phạm Tuấn Sơn và vợ là Trần Thị Thu Hà: là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất.										
	- Bà Phạm Thị Hương và các con: Nguyễn Phạm Khánh Huyền, Nguyễn Văn Cương, Nguyễn Đình Quyết: là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất.										
	- Bà Phạm Thị Giang và các con Nguyễn Ngọc Gia Nhi, Phạm Thị Tường Vy: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.										
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025						Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026				
	- Ông Phạm Tiến Thuận và vợ là Hoàng Thị Non: được giao lô số N4-19'.30, Lô N4-19'						- Ông Phạm Tiến Thuận và vợ là Hoàng Thị Non: được giao lô số N2-10.19, Lô N2-10				
	- Ông Phạm Tuấn Sơn và vợ là Trần Thị Thu Hà: được giao lô số N4-20'.38, Lô N4-20'										
	- Bà Phạm Thị Hương và các con: Nguyễn Phạm Khánh Huyền, Nguyễn Văn Cương, Nguyễn Đình Quyết: được giao lô số N4-20'.39, Lô N4-20'										
	- Bà Phạm Thị Giang và các con Nguyễn Ngọc Gia Nhi, Phạm Thị Tường Vy: được giao lô số N1-41'.12, Lô N1-41'										

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung	
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026									
	- Ông Phạm Tiến Thuận và vợ là Hoàng Thị Non: được giao diện tích 150,0m2			- Ông Phạm Tiến Thuận và vợ là Hoàng Thị Non: được giao diện tích 80,0m2									
	- Ông Phạm Tuấn Sơn và vợ là Trần Thị Thu Hà: được giao diện tích 80,0m2												
	- Bà Phạm Thị Hương và các con: Nguyễn Phạm Khánh Huyền, Nguyễn Văn Cương, Nguyễn Đình Quyết: được giao diện tích 80,0m2												
				- Bà Phạm Thị Giang và các con Nguyễn Ngọc Gia Nhi, Phạm Thị Tường Vy: được giao diện tích 80,0m2									
D	<b>TỔNG SỐ TIỀN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>			<b>1.469.838.000</b>									
III	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định = Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>									<b>27.900.000,0</b>	<b>892.800.000,0</b>		
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Phạm Tiến Thuận và vợ là Hoàng Thị Non phải nộp là:			418.500.000		m2	150,0	2.790.000	1,0	100%	-418.500.000		Điều chỉnh diện tích đất giao TDC
						m2	80,0	2.790.000	1,0	100%	223.200.000,0		
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Phạm Tuấn Sơn và vợ là Trần Thị Thu Hà phải nộp là:			223.200.000									
3	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Phạm Thị Hương và các con: Nguyễn Phạm Khánh Huyền, Nguyễn Văn Cương, Nguyễn Đình Quyết phải nộp là:			223.200.000									
4	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Phạm Thị Giang và các con Nguyễn Ngọc Gia Nhi, Phạm Thị Tường Vy phải nộp là:					m2	80,0	2.790.000	1,0	100%	223.200.000,0		Điều chỉnh diện tích đất giao TDC
E	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>			<b>0</b>						<b>27.900.000,0</b>	<b>27.900.000,0</b>		

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Lê Văn Tiến (CCCD số 031061008934)  
và vợ là bà Chu Thị Hiền (CCCD số 031165017851)  
Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 323+323a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BHTT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BHTT điều chỉnh, bổ sung
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>											
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.693.924.900</b>		<b>m2</b>	<b>262,40</b>				<b>146.286.300</b>	<b>1.840.211.200</b>	
	<i>Vị trí 3, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình ông Lê Văn Tiến vợ là bà Chu Thị Hiền được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý năm 1991, ngôi nhà có diện tích là 42,56m2 (là căn nhà số 10 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình đã sử dụng diện tích 262,4m2 (bao gồm cả phần mua nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1991.	1.692.236.900	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	241,30						<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>
		Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 63, tờ bản đồ số 14, diện tích 262,4m2, chủ sử dụng là ông Lê Văn Tiến, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không có tranh chấp	1.688.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		80.000	1,0	100%	-1.688.000		
		Nay nhà nước thu hồi diện tích 262,4m2 đất do ông Lê Văn Tiến vợ là Chu Thị Hiền đang sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm để thực hiện dự án. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.			<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2		7.013.000	1,0	100%	147974300	
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>11.462.000</b>							<b>0</b>	<b>11.462.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)</b>	<b>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>803.948.000</b>							<b>0</b>	<b>803.948.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>63.160.000</b>							<b>-63.160.000</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>											
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	8.440.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	21,1	80.000	5,0	100%	-8.440.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 4khâu * 30kg = 120kg	54.720.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	120,0	19.000	24,0	100%	-54.720.000		
		<b>Tổng cộng =(I+II+III+IV)</b>	<b>2.572.495.000</b>							<b>83.126.000</b>	<b>2.655.621.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>							<b>0</b>		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BHTT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BHTT điều chỉnh, bổ sung		
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và <u>không phải nộp tiền sử dụng đất</u> ".	0		m2	241,30						
					m2	21,10				0		
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
	Theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải						Phương án bổ trí Tái định cư bổ sung					
<b>1</b>	<b>Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>											
<b>2</b>	<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>						<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 và Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>					
	- Ông Lê Văn Tiến và vợ là bà Chu Thị Hiền: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
	- Ông Lê Văn Tuyền và các con Lê Thùy Linh, Lê Gia Huy: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
<b>3</b>	<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>						<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026</b>					
	- Ông Lê Văn Tiến và vợ là bà Chu Thị Hiền: được giao lô số N4-30'.26, Lô N4-30'											
	- Ông Lê Văn Tuyền và các con Lê Thùy Linh, Lê Gia Huy: được giao lô số N2-11.23, Lô N2-11						- Ông Lê Văn Tuyền và các con Lê Thùy Linh, Lê Gia Huy: được giao lô số N2-15".13, Lô N2-15"					
<b>4</b>	<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>						<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026</b>					
	- Ông Lê Văn Tiến và vợ là bà Chu Thị Hiền: được giao diện tích 158,0m2											
	- Ông Lê Văn Tuyền và các con Lê Thùy Linh, Lê Gia Huy: được giao diện tích 76,2m2						- Ông Lê Văn Tuyền và các con Lê Thùy Linh, Lê Gia Huy: được giao diện tích 100,0m2					
<b>D</b>	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>1.919.077.000</b>									
<b>III</b>	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>653.418.000</b>							<b>66.402.000,0</b>	<b>719.820.000</b>	
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Lê Văn Tiến và vợ là bà Chu Thị Hiền phải nộp là:		440.820.000									
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Lê Văn Tuyền và các con Lê Thùy Linh, Lê Gia Huy phải nộp là:		212.598.000		m2	76,2	2.790.000,0	1,0	100%	-212.598.000		Điều chỉnh diện tích đất giao TDC
				m2	100,0	279.000.000,0						
<b>IV</b>	<b>Tiền sử dụng đất của hộ gia đình Ông Lê Văn Tiến và vợ là bà Chu Thị Hiền giữ lại theo quy định (Khoản 2 điều 25 Nghị định 88/NĐ-CP)</b>		<b>653.418.000</b>									
<b>E</b>	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>							<b>66.402.000,0</b>	<b>66.402.000</b>	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Phạm Thị Tiêu (CCCD số 031149001869) - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Đa (đã chết)  
Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 824+824a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung	
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>3.385.595.000</b>		<b>m2</b>	<b>455,6</b>				<b>794.990.400,0</b>	<b>4.180.585.400</b>		
	<i>Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình Phạm Văn Sách được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý năm 1991, ngôi nhà có diện tích là 28,38m <sup>2</sup> (là căn nhà số 49 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Ngày 18/11/1991, ông Sách có biên bản bàn giao nhà cho bà Lê Thị Bằng (có xác nhận của bà Phạm Thị Lưu - Chủ tịch UBND thị trấn Cát Hải). Gia đình bà Bằng tự sử dụng diện tích 455,6m <sup>2</sup> (bao gồm cả diện tích nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở từ năm 1991. Ngày 14/6/1993, bà Bằng chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất cho ông Trịnh Đình Đa vợ là Phạm Thị Tiêu tiếp tục sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm (có Đơn xin nhượng nhà được UBND thị trấn Cát Hải xác nhận ngày 15/6/1993). Năm 2015, ông Đa chết. Trước khi chết ông Đa không để lại di chúc hay bất kỳ loại giấy tờ nào về việc phân chia di sản thừa kế. Ngày 03/5/2024, những người được hưởng thừa kế của ông Đa đã họp và thống nhất toàn bộ tài sản của ông Đa để lại là đồng sử dụng của những người được hưởng thừa kế và cử bà Phạm Thị Tiêu là người đại diện để thực hiện các thủ tục có liên quan đến toàn bộ thửa đất. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 54, tờ bản đồ số 14, diện tích 455,6m <sup>2</sup> , chủ sử dụng là ông Trịnh Đình Đa, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 455,6m <sup>2</sup> đất do gia đình bà Phạm Thị Tiêu đang sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ	3.378.603.200	Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất	m2	368,2							<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025</i>
		6.992.000	Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất	m2		87,4	80.000	1,0	100%	-6.992.000			<i>và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>
		9.176.000	Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất	m2			9.176.000	1,0	100%	801.982.400,0			<i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i>
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>13.967.000</b>							<b>0</b>	<b>13.967.000</b>		
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)</b>	<i>Báo cáo số 1013/UBND ngày 29/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>1.300.923.000</b>							<b>0</b>	<b>1.300.923.000</b>		
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>48.640.000</b>							<b>-48.640.000</b>	<b>0</b>		
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>												
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	34.960.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	87,4	80.000	5,0	100%	-34.960.000			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng): 1 khâu * 30kg = 30kg	13.680.000	Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171	kg	30,0	19.000	24,0	100%	-13.680.000		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>4.749.125.000</b>							<b>746.350.000</b>	<b>5.495.475.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>							<b>0</b>	<b>0</b>	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất".	0		m2	368,2						
					m2	87,4				0		
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải						Phương án bố trí Tái định cư bổ sung					
<b>1</b>	<b>Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>											
<b>2</b>	<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>						<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 và Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>					
	- Bà Phạm Thị Tiêu - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Đa (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
	- Ông Trịnh Xuân Tiến và con trai Trịnh Xuân Thanh: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
<b>3</b>	<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>						<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026</b>					
	- Bà Phạm Thị Tiêu - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Đa (đã chết): được giao lô số N1-8'38, Lô N1-8'											
	- Ông Trịnh Xuân Tiến và con trai Trịnh Xuân Thanh: được giao lô số N4-12'.01, Lô N4-12'						- Ông Trịnh Xuân Tiến và con trai Trịnh Xuân Thanh: được giao lô số N4-44'.35, Lô N4-44'					
<b>4</b>	<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>						<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026</b>					
	- Bà Phạm Thị Tiêu - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Đa (đã chết): được giao diện tích 197,3m2											
	- Ông Trịnh Xuân Tiến và con trai Trịnh Xuân Thanh: được giao diện tích 150,0m2						- Ông Trịnh Xuân Tiến và con trai Trịnh Xuân Thanh: được giao diện tích 200,0m2					

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BHTT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BHTT điều chỉnh, bổ sung
D	<b>TỔNG SỐ TIỀN BÒI THUỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>3.780.158.000</b>									
III	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>968.967.000</b>						<b>139.500.000,0</b>	<b>1.108.467.000</b>		
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Phạm Thị Tiêu - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Trịnh Đình Đa (đã chết) phải nộp là:		550.467.000									
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Trịnh Xuân Tiến và con trai Trịnh Xuân Thanh phải nộp là:		418.500.000		m2	150,0	2.790.000	1,0	100%	-418.500.000		<i>Điều chỉnh diện tích đất giao TĐC</i>
					m2	200,0				558.000.000,0		
E	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>						<b>139.500.000,0</b>	<b>139.500.000</b>		

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Đỗ Thị Loan (CCCD số 031162003978)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 326+326a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung				
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>														
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>2.545.711.000</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>414,9</b>					<b>363.982.500</b>	<b>2.909.693.500</b>		
	<i>Vị trí 3, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do bà Đỗ Thị Loan tự sử dụng từ năm 1992 vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Gia đình bà Loan đang sử dụng ổn định, liên tục thửa đất trên với diện tích 414,9m2 từ năm 1992 đến nay vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải do đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 52, tờ bản đồ số 14, diện tích 414,9m2, chủ sử dụng là bà Đỗ Thị Loan, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi 414,9m2 đất do bà Đỗ Thị Loan đang sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	2.541.511.000											<i>TB số 161/TB-KT ngày 24/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>	
			4.200.000					80.000	1,00	100%	-4.200.000				
								52,5	7.013.000	1,00	100%	368.182.500			
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>5.523.000</b>	<b>0</b>								<b>0</b>	<b>5.523.000</b>		
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc</b>	<i>Báo cáo số 99/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>2.291.446.223</b>	<b>0</b>								<b>0</b>	<b>2.291.446.223</b>		
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>62.040.000</b>	<b>0</b>								<b>-62.040.000</b>	<b>0</b>		
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp</b>														
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức	21.000.000												
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 3khâu * 30kg = 90kg	41.040.000												
		<b>Cộng tổng = (I+II+III+IV)</b>	<b>4.904.720.000</b>	<b>0</b>								<b>301.943.000</b>	<b>5.206.663.000</b>		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
B	SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI		0	0							0	0	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất";	0	0		m2	362,4					0	
						m2	52,5				0		
C	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ												
I	Theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí Tái định cư bổ sung						
1	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải												
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 633/TB-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải						Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải						
	- Bà Đỗ Thị Loan: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
							- Ông Đỗ Duy Hải vợ là Lại Thị Liễu: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.						
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026						
	- Bà Đỗ Thị Loan: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Bà Đỗ Thị Loan: được giao lô số N1-41.13, Lô N1-41									
							- Ông Đỗ Duy Hải vợ là Lại Thị Liễu: được giao lô số N4-44'.32, Lô N4-44'						
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026						
	- Bà Đỗ Thị Loan: dự kiến được giao diện tích là 200,0m2			- Bà Đỗ Thị Loan: được giao diện tích là 200,0m2									
							- Ông Đỗ Duy Hải vợ là Lại Thị Liễu: được giao diện tích 200,0m2						

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung	Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			
D	TỔNG SỐ TIỀN BÔI THUỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)		4.346.720.000	0									
III	Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):		558.000.000	0							558.000.000	1.116.000.000	
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Đỗ Thị Loan phải nộp là:		558.000.000	0									
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình ông Đỗ Duy Hải vợ là Lại Thị Liễu phải nộp là:					m2	200,0	2.790.000,0	1,0	100%	558.000.000		Điều chỉnh diện tích đất giao TĐC
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0	0							558.000.000	558.000.000	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Lê Thị Bích Hương (CCCD số 031173003496) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Lê Hồng Bản (đã chết)  
Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 320+320a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BHTT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BHTT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú			
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BHTT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>														
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>4.375.245.000</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>402,30</b>				<b>208.159.200,0</b>	<b>4.583.404.200</b>			
	<i>Vị trí 1, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do gia đình bà Lê Thị Tia mua nhà thanh lý của Ủy ban nhân dân huyện năm 1991, <b>ngôi nhà có diện tích là 37,44m<sup>2</sup></b> (là căn nhà số 17 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình bà Tia đã sử dụng diện tích 402,3m <sup>2</sup> (bao gồm cả phần diện tích mua nhà thanh lý) để sử dụng vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm từ thời điểm năm 1991. Năm 2001, bà Lê Thị Tia cho con trai là ông Lê Hồng Bản vợ là bà Lê Thị Bích Hương toàn bộ thửa đất trên để tiếp tục sử dụng (theo biên bản xác minh ngày 02/10/2022 của UBND thị trấn Cát Hải). Năm 2024, ông Lê Hồng Bản chết. Trước khi chết ông Bản không để lại di chúc hay bất cứ giấy tờ nào về việc phân chia di sản thừa kế. Ngày 05/3/2025, những người được hưởng thừa kế của ông Bản đã họp và thống nhất phân tài sản mà ông Bản để lại là đồng sử dụng của những người được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật và gia đình nhất trí cử bà Lê Thị Bích Hương là người đại diện để thực hiện việc xác nhận, hoàn thiện các giấy tờ có liên quan đến toàn bộ diện tích đất trên.	4.373.772.700			<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	383,90						<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>	
		Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 09, tờ bản đồ số 14, diện tích 402,3m <sup>2</sup> , chủ sử dụng là ông Lê Hồng Bản, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 402,3m <sup>2</sup> gia đình bà Lê Thị Bích Hương đang sử dụng ổn định vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.	1.472.000			<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	18,40	80.000	1,0	100%	-1.472.000			<i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i>
						<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>			11.393.000	1,0	100%	209.631.200,0			
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>6.626.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>6.626.000</b>			
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)</b>	<b>Báo cáo số 104/UBND ngày 20/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</b>	<b>1.289.827.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>1.289.827.000</b>			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
IV	Chính sách hỗ trợ		34.720.000	0							-34.720.000	0	
1	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>												
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	7.360.000		Khoản 1, điều 14 Quyết định 171	m2	18,4	80.000	5,0	100%	-7.360.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 2 khẩu * 30kg = 60kg	27.360.000		Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171	kg	60,0	19.000	24,0	100%	-27.360.000		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>5.706.418.000</b>	<b>0</b>							<b>173.439.000</b>	<b>5.879.857.000</b>	
B	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>								<b>0</b>	<b>0</b>	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất";	0			m2	383,90						
						m2	18,40				0		
C	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>												
I	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí Tái định cư bổ sung						
1	<b>Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>												
2	<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>						<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 và Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>						
	- Bà Lê Thị Bích Hường - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Lê Hồng Bản (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
	- Bà Lê Thị Thảo và các con: Phạm Lê Tường Vy, Phạm Lê Hà My: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
	- Ông Lê Hồng Phong và con gái Lê Bảo Châu : là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung	Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025				Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026						Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026		
	- Bà Lê Thị Bích Hương - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Lê Hồng Bản (đã chết): được giao lô số N4-30'.09, Lô N4-30'												
	- Bà Lê Thị Thảo và các con: Phạm Lê Tường Vy, Phạm Lê Hà My: được giao lô số N4-43.15, Lô N4-43										- Bà Lê Thị Thảo và các con: Phạm Lê Tường Vy, Phạm Lê Hà My: được giao lô số N4-12'.11, Lô N4-12'		
	- Ông Lê Hồng Phong và con gái Lê Bảo Châu : được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải				- Ông Lê Hồng Phong và con gái Lê Bảo Châu: được giao lô số N1-42.14, Lô N1-42								
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025				Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026						Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026		
	- Bà Lê Thị Bích Hương - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Lê Hồng Bản (đã chết): được giao diện tích 200,0m2												
	- Bà Lê Thị Thảo và các con: Phạm Lê Tường Vy, Phạm Lê Hà My: được giao diện tích 80,7m2										- Bà Lê Thị Thảo và các con: Phạm Lê Tường Vy, Phạm Lê Hà My: được giao diện tích 100,0m2		
	- Ông Lê Hồng Phong và con gái Lê Bảo Châu : dự kiến được giao diện tích là 100,0m2				- Ông Lê Hồng Phong và con gái Lê Bảo Châu: được giao diện tích 100,0m2								
D	<b>TỔNG SỐ TIỀN BÒI THUỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢP (=I-IV)</b>		<b>4.644.265.000</b>										
III	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>1.062.153.000</b>								<b>53.847.000,0</b>	<b>1.116.000.000,0</b>	
1	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Lê Thị Bích Hương - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Lê Hồng Bản (đã chết) phải nộp là:		558.000.000										
2	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Lê Hồng Phong và con gái Lê Bảo Châu phải nộp là:		279.000.000										
3	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Lê Thị Thảo và các con: Phạm Lê Tường Vy, Phạm Lê Hà My phải nộp là:		225.153.000								-225.153.000		
						m2	80,7	2.790.000	1,0	100%	279.000.000,0		
E	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>								<b>53.847.000,0</b>	<b>53.847.000</b>	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Bùi Thị Xuyên - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trần Văn Khuya (đã chết)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 320+320a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung			
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>													
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>4.810.721.000</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>770,20</b>					<b>590.691.600</b>	<b>5.401.412.600</b>	
	<i>Vị trí 3, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Ngày 27/12/1982, ông Trần Văn Khuya mua lại căn nhà của Hợp tác xã mua bán (có đơn đề nghị xin nhượng nhà, được xác nhận của UBND huyện Cát Hải ngày 30/12/1982). Ngôi nhà và bể nước có diện tích là 48,77m <sup>2</sup> (là căn nhà số 28 theo Biên bản khảo sát hiện trạng khu bến Gót, thị trấn Cát Hải ngày 10/11/1990), tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Gia đình ông Khuya đã sử dụng diện tích 770,2m <sup>2</sup> (bao gồm cả phần mua nhà thanh lý) để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm từ năm 1983.	4.803.905.000			<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	685,0						<i>TB số 52/TB-KT ngày 3/10/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>
		Năm 2020, ông Khuya chết, trước khi chết ông Khuya không để lại di chúc hay bất kỳ loại giấy tờ nào về việc phân chia di sản thừa kế. Ngày 27/6/2024, những người thừa kế của ông Khuya họp và thống nhất đồng sở dụng đối với thửa đất trên, gia đình thống nhất ủy quyền cho bà Bùi Thị Xuyên là người đại diện để thực hiện các thủ tục có liên quan đến thu hồi đất. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 27, tờ bản đồ số 14, diện tích 770,2m <sup>2</sup> , chủ sử dụng là ông Trần Văn Khuya, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện tại không có tranh chấp.	6.816.000			<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	85,2	80.000	1,0	100%	-6.816.000		
		Nay nhà nước thu hồi diện tích 770,2m <sup>2</sup> đất do gia đình bà Bùi Thị Xuyên đang sử dụng ổn định vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ.				<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>			7.013.000	1,0	100%	597.507.600		
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>27.693.000</b>	<b>0</b>								<b>0</b>	<b>27.693.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)</b>	<i>Báo cáo số 104/UBND ngày 20/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>3.351.858.000</b>	<b>0</b>								<b>0</b>	<b>3.351.858.000</b>	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
IV	Chính sách hỗ trợ		219.553.000	0							-47.760.000	219.553.000	
1	<b>Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp</b>		47.760.000								-47.760.000		0
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức.	34.080.000		Khoản 1, điều 14 Quyết định 171	m2	85,2	80.000	5,0	100%	-34.080.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng): 1 khẩu * 30kg = 30kg	13.680.000		Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171	kg	30,0	19.000	24,0	100%	-13.680.000		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>8.409.825.000</b>	<b>0</b>							<b>542.932.000</b>	<b>9.000.516.600</b>	
B	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>	<b>0</b>								<b>0</b>	
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất";	0			m2	685,0						
						m2	85,2					0	
C	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>												
I	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí Tái định cư bổ sung						
1	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải												
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 437/TB-UBND ngày 7/11/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải						Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 và Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải						
	- Bà Bùi Thị Xuyên - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trần Văn Khuya (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
	- Ông Trần Trọng Khoát và con trai Trần Minh Chuyên: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
		- Ông Trần Trọng Khuê và vợ là Nguyễn Thị Thanh: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
		- Ông Trần Hoàng Anh và vợ là Bùi Thị Khánh Linh: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
		- Ông Trần Trọng Khải và con trai Trần Duy Long: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
		- Ông Trần Duy Tùng và vợ là Trần Thị Thùy Dương: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
3		Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025		Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026								Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026	
		- Bà Bùi Thị Xuyên - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trần Văn Khuya (đã chết): được giao lô số N1-8'.12, Lô N1-8'											
		- Ông Trần Trọng Khoát và con trai Trần Minh Chuyên: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải										- Ông Trần Trọng Khoát và con trai Trần Minh Chuyên: được giao lô số N1-17.02, Lô N1-17	
		- Ông Trần Trọng Khuê và vợ là Nguyễn Thị Thanh: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải		- Ông Trần Trọng Khuê và vợ là Nguyễn Thị Thanh: được giao lô số N1-42.26, Lô N1-42									
		- Ông Trần Hoàng Anh và vợ là Bùi Thị Khánh Linh: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải		- Ông Trần Hoàng Anh và vợ là Bùi Thị Khánh Linh: được giao lô số N1-18.05, Lô N1-18									
		- Ông Trần Trọng Khải và con trai Trần Duy Long: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải		- Ông Trần Trọng Khải và con trai Trần Duy Long: được giao lô số N1-42.13, Lô N1-42									
		- Ông Trần Duy Tùng và vợ là Trần Thị Thùy Dương: được giao lô số N4-44'.25, Lô N4-44'										- Ông Trần Duy Tùng và vợ là Trần Thị Thùy Dương: được giao lô số N2-15".12, Lô N2-15"	
4		Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025		Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026								Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026	
		- Bà Bùi Thị Xuyên - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trần Văn Khuya (đã chết): được giao diện tích 197,3m2											
		- Ông Trần Trọng Khoát và con trai Trần Minh Chuyên: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2										- Ông Trần Trọng Khoát và con trai Trần Minh Chuyên: dự kiến được giao diện tích là 155,0m2	
		- Ông Trần Trọng Khuê và vợ là Nguyễn Thị Thanh: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2		- Ông Trần Trọng Khuê và vợ là Nguyễn Thị Thanh: được giao diện tích là 100,0m2									
		- Ông Trần Hoàng Anh và vợ là Bùi Thị Khánh Linh: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2		- Ông Trần Hoàng Anh và vợ là Bùi Thị Khánh Linh: được giao diện tích là 100,0m2									
		- Ông Trần Trọng Khải và con trai Trần Duy Long: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2		- Ông Trần Trọng Khải và con trai Trần Duy Long: được giao diện tích là 100,0m2									
		- Ông Trần Duy Tùng và vợ là Trần Thị Thùy Dương: được giao diện tích 80,0m2										- Ông Trần Duy Tùng và vợ là Trần Thị Thùy Dương: được giao diện tích 100,0m2	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
D	<b>TỔNG SỐ TIỀN BÒI THUỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢP (=I-IV)</b>		<b>6.520.158.000</b>									
III	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>1.889.667.000</b>							<b>209.250.000</b>	<b>2.098.917.000</b>	
1	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Bùi Thị Xuyên - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Trần Văn Khuya (đã chết) phải nộp là:		550.467.000									
2	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Trần Trọng Khuê và vợ là Nguyễn Thị Thanh dự kiến phải nộp là:		279.000.000									
3	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Trần Hoàng Anh và vợ là Bùi Thị Khánh Linh dự kiến phải nộp là:		279.000.000									
4	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Trần Trọng Khải và con trai Trần Duy Long dự kiến phải nộp là:		279.000.000									
5	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Trần Duy Tùng và vợ là Trần Thị Thùy Dương phải nộp là:		223.200.000			m2	80,0	2.790.000	1,0	100%	-223.200.000	
						m2	100,0				279.000.000	
6	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Trần Trọng Khoát và con trai Trần Minh Chuyên dự kiến phải nộp là:		279.000.000			m2	100,0	2.790.000	1,0	100%	-279.000.000	
						m2	155,0				432.450.000	
E	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>							<b>209.250.000</b>	<b>209.250.000</b>	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Đỗ Trọng Bình (CCCD số 031080001612) - Là người đại diện cho những người được hưởng thừa kế của bà Bùi Thị Linh (đã chết)  
Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 825, 825a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>											
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.433.670.000</b>		<b>m2</b>	<b>172,3</b>				<b>147.355.200,0</b>	<b>1.581.025.200,0</b>	
	<i>Vị trí 2, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356</i>	Do ông Hùng, bà Hương đã tự sử dụng từ năm 1991 vào mục đích xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm. Đến năm 1996, ông Hùng, bà Hương chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Linh tiếp tục sử dụng (việc chuyển nhượng không được lập thành văn bản, ngày 26/3/2023 UBND thị trấn Cát Hải có biên bản xác minh nội trên). Năm 2015, bà Linh chết. Trước khi chết bà Linh không để lại di chúc hay bất kỳ loại giấy tờ nào về việc phân chia di sản thừa kế. Ngày 25/4/2024, những người được hưởng thừa kế của bà Linh đã họp và thống nhất người sử dụng đất là ông Đỗ Trọng Bình - Đại diện cho những người đang sử dụng đất. Gia đình thống nhất cử ông Đỗ Trọng Bình là người đại diện đứng ra để thực hiện việc giải quyết và ký các giấy tờ thủ tục có liên quan đến việc kiểm kê, bồi thường giải phóng mặt bằng. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải do đặc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 31, tờ bản đồ số 14, diện tích 41,3m2, chủ sử dụng là bà Đỗ Thị Bích (con gái bà Lịch), mục đích sử dụng là đất ở đô thị; thửa số 49, tờ bản đồ số 14, diện tích 39,2m2, chủ sử dụng là ông Đỗ Văn Minh (con trai bà Lịch), mục đích sử dụng là đất ở đô thị và thửa đất số 50, tờ bản đồ số 14, diện tích 91,8m2, chủ sử dụng là bà Bùi Thị Linh, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không có tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 172,3m2 gia đình ông Đỗ Trọng Bình đang sử dụng ổn định vào mục đích đất ở và trồng cây lâu năm. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ	1.432.374.000	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>	m2	156,10	9.176.000	1,0	100%			<i>Thông báo số 40/TB-UBND ngày 18/4/2025 và Số 560/TB-UBND ngày 02/12/2025</i>
		1.296.000	<i>Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất</i>			m2	16,2	80.000	1,0	100%	-1.296.000	
		9.176.000	<i>Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất</i>					9.176.000	1,0	100%	148.651.200,0	<i>TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026</i>
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>938.000</b>							<b>0</b>	<b>938.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc</b>	<i>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>1.203.988.000</b>							<b>0</b>	<b>1.203.988.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>		<b>33.840.000</b>							<b>-33.840.000</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp</b>											
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất NN tại thời điểm thu hồi đất cho toàn bộ diện tích trong hạn mức	6.480.000	<i>Khoản 1, điều 14 Quyết định 171</i>	m2	16,20	80.000	5,0	100%	-6.480.000		
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ 24 tháng ) 2khâu * 30kg = 60kg	27.360.000	<i>Điểm a, khoản 1, điều 19 Nghị định 88 và khoản 3, điều 11 Quyết định 171</i>	kg	60,0	19.000	24,0	100%	-27.360.000		
		<b>Cộng tổng</b>	<b>2.672.436.000</b>							<b>113.515.000</b>	<b>2.785.951.000</b>	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
B	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		0						0		
	Tiền sử dụng đất	Đất không có các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Đất đai 2024 sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15/10/1993: Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp. <b>Căn cứ: Điểm b, khoản 2, điều 138, Luật đất đai 2024:</b> - "b. Đối với thửa đất có nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống nếu diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 5 Điều 141 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất đó và không phải nộp tiền sử dụng đất".	0		m2	156,10					
					m2	16,20			0		
C	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>										
	<b>Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải</b>					<b>Phương án bố trí Tái định cư bổ sung</b>					
1	<b>Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>										
2	<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 558/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>					<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 và Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>					
	- Bà Đỗ Thị Tĩnh, ông Đỗ Văn Minh, bà Đỗ Thị Ngọc Bích, ông Đỗ Trọng Bính, ông Lê Văn Long là những người được hưởng thừa kế của bà Bùi Thị Lịnh (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, không phải di chuyển chỗ ở.										
	- Ông Đỗ Văn Minh vợ là bà Nguyễn Thị Hương: là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất.										
	- Ông Đỗ Trọng Bính và con gái Đỗ Ngọc Hân: là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất.										
						<b>- Bà Đỗ Thị Ngọc Bích và con gái Phạm Ngọc Yến Nhi: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.</b>					
3	<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>					<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026 và ngày 16/4/2026</b>					
	- Bà Đỗ Thị Tĩnh, ông Đỗ Văn Minh, bà Đỗ Thị Ngọc Bích, ông Đỗ Trọng Bính, ông Lê Văn Long là những người được hưởng thừa kế của bà Bùi Thị Lịnh (đã chết): được giao lô số N4-17'.47, Lô N4-17'					- Bà Đỗ Thị Tĩnh, ông Đỗ Văn Minh, bà Đỗ Thị Ngọc Bích, ông Đỗ Trọng Bính, ông Lê Văn Long là những người được hưởng thừa kế của bà Bùi Thị Lịnh (đã chết): được giao lô số N4-12'.20, Lô N4-12'					
	- Ông Đỗ Văn Minh vợ là bà Nguyễn Thị Hương: được giao lô số N4-20'.40, Lô N4-20'										
	- Ông Đỗ Trọng Bính và con gái Đỗ Ngọc Hân: được giao lô số N4-20'.47, Lô N4-20'					- Ông Đỗ Trọng Bính và con gái Đỗ Ngọc Hân: được giao lô số N1-41'.4, Lô N1-41'					
						- Bà Đỗ Thị Ngọc Bích và con gái Phạm Ngọc Yến Nhi: được giao lô số N1-41'.14, Lô N1-41'					
4	<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>					<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026 và ngày 16/4/2026</b>					
	- Bà Đỗ Thị Tĩnh, ông Đỗ Văn Minh, bà Đỗ Thị Ngọc Bích, ông Đỗ Trọng Bính, ông Lê Văn Long là những người được hưởng thừa kế của bà Bùi Thị Lịnh (đã chết): được giao diện tích 150,0m2					- Bà Đỗ Thị Tĩnh, ông Đỗ Văn Minh, bà Đỗ Thị Ngọc Bích, ông Đỗ Trọng Bính, ông Lê Văn Long là những người được hưởng thừa kế của bà Bùi Thị Lịnh (đã chết): được giao diện tích 80,0m2					
	- Ông Đỗ Văn Minh vợ là bà Nguyễn Thị Hương: được giao diện tích 80,0m2										
	- Ông Đỗ Trọng Bính và con gái Đỗ Ngọc Hân: được giao diện tích 80,0m2					- Ông Đỗ Trọng Bính và con gái Đỗ Ngọc Hân: được giao diện tích 80,0m2					
						- Bà Đỗ Thị Ngọc Bích và con gái Phạm Ngọc Yến Nhi: được giao diện tích 80,0m2					

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
D	<b>TỔNG SỐ TIỀN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>1.807.536.000</b>								
III	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>864.900.000</b>						<b>27.900.000</b>		
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Đỗ Thị Tĩnh, ông Đỗ Văn Minh, bà Đỗ Thị Ngọc Bích, ông Đỗ Trọng Bình, ông Lê Văn Long là những người được hưởng thừa kế của bà Bùi Thị Linh (đã chết) phải nộp là:		418.500.000		m2	150,0	2.790.000	1,0	100%	-418.500.000	
					80,0	223.200.000					
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Đỗ Văn Minh vợ là bà Nguyễn Thị Hương phải nộp là:		223.200.000								
3	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Đỗ Trọng Bình và con gái Đỗ Ngọc Hân phải nộp là:		223.200.000								
4	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Đỗ Thị Ngọc Bích và con gái Phạm Ngọc Yến Nhi phải nộp là:				m2	80,0	2.790.000	1,0	100%	223.200.000	
E	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>						<b>27.900.000</b>	<b>27.900.000</b>	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Nguyễn Việt Ưông (CCCD số 031058012552)  
và vợ là bà Bùi Thị Thúy (CCCD số 031161008561)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 358+358a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BHTT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BHTT điều chỉnh, bổ sung			
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.750.864.000</b>		<b>m2</b>	<b>422,3</b>					<b>201.974.400</b>	<b>1.952.838.400</b>	
		- Diện tích đất ở:			m2	276,80							
		- Diện tích đất trồng cây lâu năm:			m2	145,50							
		- Hạn mức giao đất bình quân tại địa phương:			m2	799,86							
		- Số nhân khẩu trong độ tuổi lao động đủ điều kiện chuyển đổi nghề tại thời điểm thu hồi đất (năm 2025).			khẩu	0							
		- Diện tích theo hạn mức được xác định để bồi thường, hỗ trợ:			m2	-							
		- Diện tích đất NN hộ gia đình đã được nhà nước giao:			m2	-							
		- Diện tích đất NN hộ gia đình khai hoang sử dụng trước ngày 01/7/2004 được xem xét bồi thường, hỗ trợ:			m2	-		176,8					
	Vị trí 3, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356 (Thửa số 65A)	Năm 1991, gia đình ông Nguyễn Việt Ưông vợ là bà Bùi Thị Thúy được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý với diện tích là 26,4m2. Tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Năm 1992, gia đình có tôn tạo, sử dụng thêm diện tích 395,9m2 liền kề với phần diện tích mua thanh lý. Ngày 09/01/2013, UBND huyện Cát Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 478125 theo Quyết định số 15/QĐ-UBND, ngày 09/01/2013; số vào sổ cấp GCN: CH00170CH; thửa đất số: 10B; tờ bản đồ số: 01; diện tích: 148,0m2 cho ông Nguyễn Việt Ưông. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải đo đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 09, tờ bản đồ số 17, diện tích 422,3m2, chủ sử dụng là bà Bùi Thị Thúy, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 176,8m2 đất đo gia đình ông Nguyễn Việt Ưông vợ là bà Bùi Thị Thúy đang sử dụng ổn định. Trong đó: - Phần diện tích 148,0m2 là đất ở đã được cấp GCNQSD đất năm 2013. - Phần diện tích 28,8m2 là đất ở chênh lệch tầng so với GCNQSD đất là do gia đình ông Ưông, bà Thúy sử dụng từ năm 1992 nhưng chưa được đo, ghi nhận hết diện tích khi thiết lập hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2013. Ngày 12/5/2017 ông Nguyễn Việt Ưông và vợ là Bùi Thị Thúy tặng cho con trai là ông Nguyễn Việt Trường và vợ là Trần Thị Thu Thủy toàn bộ thửa đất số 10B, tờ bản đồ số 01, diện tích 148,0m2 theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được công chứng tại văn phòng công chứng Nhân Hòa thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, gia đình ông Ưông chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định.	1.037.924.000	Diện tích đất ở được cấp GCNQSD đất	m2	148,00						Số 68/TB-NN&MT ngày 30/5/2025 và Số 436/TB-UBND ngày 7/11/2025	
			0	Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất	m2	28,80							
				Diện tích đất ở chưa được cấp GCNQSD đất			7.013.000	1,0	100%	201.974.400,0			TB số 530/TB-KT ngày 28/4/2026

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
	Vị trí 3, Đường tỉnh 356, từ Nhà chờ Bến Gót đến Ngã ba đường hoàn trả và 356 (Thửa số 65B)	Năm 1991, gia đình bà Bùi Thị Thúy chồng là ông Nguyễn Viết Uống được UBND huyện Cát Hải bán nhà thanh lý với diện tích là 26,4m2. Tuy nhiên không có giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật theo điều 137 Luật Đất đai năm 2024. Năm 1992, gia đình có tôn tạo, sử dụng thêm diện tích 395,9m2 liền kề với phần diện tích mua thanh lý. Ngày 02/11/2010, UBND huyện Cát Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 243493 theo Quyết định số 1884/QĐ-UBND, ngày 02/11/2010; số vào sổ cấp GCN: CH00030CH; thửa đất số: 10a; diện tích: 235,0m2 (trong đó: 100,0m2 đất ở; 135,0m2 đất trồng cây lâu năm) cho bà Bùi Thị Thúy. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải do đạc năm 2013 thửa đất trên được ghi nhận là thửa số 09, tờ bản đồ số 17, diện tích 422,3m2, chủ sử dụng là bà Bùi Thị Thúy, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Hiện không tranh chấp. Nay nhà nước thu hồi diện tích 245,5m2 đất do gia đình ông Nguyễn Viết Uống vợ là bà Bùi Thị Thúy đang sử dụng ổn định. Trong đó: - Phần diện tích 100,0m2 là đất ở đã được cấp GCNQSD đất năm 2010. - Phần diện tích 135,0m2 là đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSD đất năm 2010. - Phần diện tích 10,5m2 chênh lệch tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là do gia đình bà Thúy sử dụng ổn định vào mục đích trồng cây lâu năm từ năm 1992 đến nay, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	701.300.000	Diện tích đất ở được cấp GCNQSD đất	m2	100,00						
			10.800.000	Diện tích đất trồng cây lâu năm được cấp GCNQSD đất	m2	135,00						Số 68/TB-NN&MT ngày 30/5/2025 và Số 436/TB-UBND ngày 7/11/2025
			840.000	Diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất	m2	10,50						
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>41.766.000</b>							<b>413.000</b>	<b>42.179.000</b>	
1	Dừa	Đang thu hoạch, H=8,0m; D50 (mật độ trồng 156 cây/ha)	1.866.000	QĐ số 3859	Cây	1,00	1.866.000	1,0	100%			
2	Bưởi	Đang cho thu hoạch, H=3,0m; D20 (mật độ trồng 400cây/ha)	1.194.000	QĐ số 3859	Cây	3,00	398.000	1,0	100%			
3	Xoài cho thu hoạch (mật độ trồng 350cây/ha)	H=4,0m; D25	11.200.000	QĐ số 3859	Cây	10,00	1.120.000	1,0	100%			
		H=3,0m; D18	20.033.000	QĐ số 3859	Cây	23,00	871.000	1,0	100%			
4	Khế	Đang thu hoạch, H=3,0m; D25 (mật độ trồng 400 cây/ha)	1.866.000	QĐ số 3859	Cây	1,00	1.866.000	1,0	100%			
5	Cau búng	Đang thu hoạch, H=7,0, D16	1.700.000	QĐ số 3859	Cây	5,00	340.000	1,0	100%			
6	Kim giao	H=4,0, D18		QĐ số 528	Cây	3,00	137.500	1,0	100%	412.500,0		
7	Chậu hoa các loại	18 chậu D50	540.000	QĐ số 3859	Chậu	18,00	30.000	1,0	100%			
		7 chậu D70	700.000	QĐ số 3859	Chậu	7,00	100.000	1,0	100%			
8	Vạn tuế	Trồng dưới đất; H=0,5m; ĐK gốc=13cm	1.400.000	QĐ số 3859	Cây	2,00	700.000	1,0	100%			
9	Sung	H=3,0m; D16 (mật độ trồng 300 cây/ha)	560.000	QĐ số 3859	Cây	1,00	560.000	1,0	100%			
10	Chanh	Đang thu hoạch, H=1,5m; D12; D tán=1,8m (mật độ trồng 1.600 cây/ha)	249.000	QĐ số 3859	Cây	1,00	249.000	1,0	100%			
11	Giàn trâu không	Trưởng thành	300.000	QĐ số 3859	m2	10,00	30.000	1,0	100%			
12	Dọc mùng		51.750	QĐ số 3859	m2	4,50	11.500	1,0	100%			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
13	Cà chua		106.700	QĐ số 3859	m2	5,50	19.400	1,0	100%			
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2)</b>	<i>Báo cáo số 113/UBND ngày 29/5/2025 và Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>2.115.459.000</b>							<b>156.209.000</b>	<b>2.271.668.000</b>	
<b>III.1</b>	<b>Bồi thường tài sản, vật kiến trúc</b>		<b>2.101.458.943</b>							<b>156.209.409</b>		
<b>a</b>	<b>Tài sản đã được kiểm kê tại BBKK số 358/BB-TTPTQĐ ngày 21/5/2017</b>											
1	Nhà ở chính	Móng xây gạch chi có găng BTCT 40*70, tường xây gạch chi 220			m2	80,44						
		Phần mái BTCT, cao 5,0m: S1=3,9*7,4	181.290.786	VKT.10517	m2 sàn XD	28,86	6.281.732	1,0	100%			
		Cộng phần tường chênh lệch so với tường tiêu chuẩn cao 3,5m V=(3,46+7,4)*2*0,22*1,5	13.758.158	VKT.20009	m3	7,17	1.919.493	1,0	100%			
		Cộng trát ngoài	4.597.005	VKT.20077	m2	32,58	141.099	1,0	100%			
		Cộng trát trong	3.432.596	VKT.20078	m2	32,58	105.359	1,0	100%			
		S2=6,8*3,1 cao 4,3m	132.418.911	VKT.10517	m2 sàn XD	21,08	6.281.732	1,0	100%			
		Cộng phần tường chênh lệch so với tường tiêu chuẩn cao 3,5m V=(6,36+3,1)*2*0,22*0,8	6.391.758	VKT.20009	m3	3,33	1.919.493	1,0	100%			
		Cộng trát ngoài	2.135.674	VKT.20077	m2	15,14	141.099	1,0	100%			
		Cộng trát trong	1.594.714	VKT.20078	m2	15,14	105.359	1,0	100%			
		Phần lợp ngói đỏ 22v/m2, cao TB 4,5m: S=5,0*6,1	193.398.182	VKT.10511	m2 sàn XD	30,50	6.340.924	1,0	100%			
		Cộng phần tường chênh lệch so với tường tiêu chuẩn cao 3,5m V=(4,56+6,1)*2*0,22*1,0	9.003.190	VKT.20009	m3	4,69	1.919.493	1,0	100%			
		Cộng trát ngoài	3.008.231	VKT.20077	m2	21,32	141.099	1,0	100%			
		Cộng trát trong	2.246.254	VKT.20078	m2	21,32	105.359	1,0	100%			
	Nền	Lát gạch LD 40*40: S=6,5*6,8	9.762.410	VKT.20030	m2	44,20	220.869	1,0	100%			
		Lát gạch LD 50*50: S=6,5*3,0	4.689.146	VKT.20031	m2	19,50	240.469	1,0	100%			
	Chân tường	Ốp gạch LD 40*90: S=(6,8+4,4)*2*1,0+(3,0+6,8)*2*1,0-1,2*1,0-1,5*1,0*2	14.121.589	VKT.20070	m2	37,80	373.587	1,0	100%			
	Tường trong nhà	Sơn có bả: S=(4,0+6,8)*2*2,8+(3,0+6,8)*2*3,7-1,2*1,1-0,9*1,1*9-1,2*1,2	6.733.572	VKT.20095	m2	121,33	55.498	1,0	100%			
		Cộng bả	4.824.687	VKT.20092	m2	121,33	39.765	1,0	100%			
	Trần trong nhà	Sơn có bả: S=3,0*6,8+6,8*3,1	2.302.057	VKT.20095	m2	41,48	55.498	1,0	100%			
		Cộng bả	1.945.951	VKT.20093	m2	41,48	46.913	1,0	100%			
		Phào chi kép: L=(3,0+6,8)*2	2.209.194	VKT.20089	md	19,60	112.714	1,0	100%			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
		Phào chỉ đơn: L=(3,0+6,8)*2	1.762.530	VKT.20088	md	19,60	89.925	1,0	100%			
	Tường ngoài nhà có bả	Son: S=5,0*4,1+5,0*1,5/2+6,1*4,1+1,6*1,1+0,8*2,3+7,4*5,0-0,9*1,5*2+3,9*2,1+(6,1+2,2)*0,5	7.232.357	VKT.20094	m2	99,50	72.687	1,0	100%			
		Cộng bả	3.956.618	VKT.20092	m2	99,50	39.765	1,0	100%			
	Trần	Nhựa giát cấp có khung xương: S=4,8*7,2	6.522.301	VKT.20099	m2	34,56	188.724	1,0	100%			
		Cốt ép có khung xương: S=4,8*7,2	10.579.438	VKT.20097	m2	34,56	306.118	1,0	100%			
		Đèn led trang trí âm trần 8ly 6 cái										
		Dầm gỗ chò chi: V=0,15*0,18*4,8+2,6*0,12*0,15*2+1,5*0,12*0,15	4.503.600	GTT	m3	0,25	18.000.000	1,0	100%			
	Cửa đi chính	Pano gỗ đôi đặc: S=1,6*2,2	8.800.000	VKT.20176	m2	3,52	2.500.000	1,0	100%			
		Khuôn cửa kép gỗ đôi: L=1,8+2,2*2	4.960.000	VKT.20188	md	6,20	800.000	1,0	100%			
	Cửa	Nhôm kính trắng Việt Pháp: S=1,7*2,2	3.740.000	VKT.20201	m2	3,74	1.000.000	1,0	100%			
	Cửa sổ	Pano gỗ đôi: S=1,0*1,5*8	30.000.000	VKT.20182	m2	12,00	2.500.000	1,0	100%			
		Cửa gỗ đôi + kính: S=1,0*1,5*8	30.000.000	VKT.20182	m2	12,00	2.500.000	1,0	100%			
		Song cửa gỗ đôi: S=1,0*1,5*8	10.200.000	GTT	m2	12,00	850.000	1,0	100%			
		Hoa thoáng inox 304 15*15x1,5 ly: W=(1,0*16+1,5*4)*8*3,84/6	16.332.800	VKT.20213	kg	112,64	145.000	1,0	100%			
		Khuôn cửa kép gỗ đôi: L=(1,0+1,5)*2*8	32.000.000	VKT.20188	md	40,00	800.000	1,0	100%			
	Cửa	Gỗ đôi + kính: S=1,0*1,2	3.000.000	VKT.20182	m2	1,20	2.500.000	1,0	100%			
		Hoa thoáng sắt dẹt 20*4: W=(1,0*16+1,2*6+0,4*32)*0,02*0,004*7850	904.320	VKT.20214	kg	22,61	40.000	1,0	100%			
	Tủ âm tường	Gỗ đôi: S=1,2*1,3*2	7.800.000	VKT.20182	m2	3,12	2.500.000	1,0	100%			
	Cửa đi phụ	Pano kính gỗ đôi: S=1,4*2,2: S kính=0,25*1,1*2 Tỷ lệ kính <30%	7.700.000	VKT.20176	m2	3,08	2.500.000	1,0	100%			
		Khuôn cửa kép gỗ đôi: L=1,5+2,2*2	4.720.000	VKT.20188	md	5,90	800.000	1,0	100%			
	Máy điều hòa	Panasonic 18.000 BTU: 01 bộ	198.068	VKT.20301	cái	1,00	198.068	1,0	100%			
		Grie 18.000 BTU: 01 bộ	198.068	VKT.20301	cái	1,00	198.068	1,0	100%			
	Quạt trần	01 cái	145.889	VKT.20318	cái	1,00	145.889	1,0	100%			
	Đèn trang trí ốp tường	03 cái				3,00						
	Thang thăm mái	Khung inox D27 dày 1,5 ly: W=(4,5*2+0,4*14)*5,76/6	2.032.320	VKT.20213	kg	14,02	145.000	1,0	100%			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
		Nắp thăm mái inox tấm dày 3 ly W=4,76kg/m2: $W=(0,8*0,8+0,4*0,4)*(4,76/(2*1))$	276.080	VKT.20213	kg	1,90	145.000	1,0	100%			
	Nẹp cửa	Gỗ dổi: $L=(1,0+1,5)*2*2*8+(1,2+1,3)*2*2*2+(1,8+2,3*2)+(1,5+2,2)*2*2$	6.060.000	VKT.20191	md	121,20	50.000	1,0	100%			
	Cửa	Gỗ dổi kính: $S=0,5*1,6+1,0*0,5$	3.250.000	VKT.20182	m2	1,30	2.500.000	1,0	100%			
		Hoa thoáng sắt dẹt: $W=(0,5*10*3+1,6*4+1,0*4+0,5*6)*0,02*0,004*7850$	713.408	VKT.20214	kg	17,84	40.000	1,0	100%			
	Trang trí mặt trước nhà	Óp gạch thẻ 24x6: $S=(3,9+2,3+6,1)*3,2+1,2*3,2*2-(1,8*2,2+1,0*1,5*3+2,7*0,5)+(7,4+3,9)*2*0,5+(7,5+3,0)*0,3$	24.893.688	VKT.20060	m2	51,68	481.689	1,0	100%			
		Nan BT trang trí: $V=0,1*0,3*8,4+0,3*0,1*0,3*5$	1.696.136	VKT.20023	m3	0,30	5.710.896	1,0	100%			
		Trát thanh dầm trang trí + sơn: $S=0,8*8,4+0,8*0,3*5$	1.243.194	VKT.20080	m2	7,92	156.969	1,0	100%			
		Phân sơn có bả ngoài nhà: $S=0,8*8,4+0,8*0,3*5$	575.681	VKT.20094	m2	7,92	72.687	1,0	100%			
		Cộng bả	314.939	VKT.20092	m2	7,92	39.765	1,0	100%			
		Óp gạch thẻ: $S=0,5*7,0+10,5*0,25+2,2*0,2*3$	3.586.175	VKT.20060	m2	7,45	481.689	1,0	100%			
		Đắp vữa trang trí: $S=5m2$	1.126.190	VKT.20084	m2	5,00	225.238	1,0	100%			
		Gờ chắn nước XMC: $L=30,0$	1.487.400	VKT.20087	md	30,00	49.580	1,0	100%			
		Xây tường hoa trang trí gạch chi 110: $S=10,0*0,8; V=10,0*0,8*0,11$	1.871.507	VKT.20008	m3	0,88	2.126.713	1,0	100%			
	Ông thoát nước PVC	D60: $L=25,0$	2.014.450	VKT.20237	m	25,00	80.578	1,0	100%			
		D90: $L=20,0$	2.872.680	VKT.20239	m	20,00	143.634	1,0	100%			
		D21: $L=(40+20)$	1.831.860	VKT.20232	m	60,00	30.531	1,0	100%			
	Téc nước inox 3m3	01 cái	1.093.185	VKT.20314	bể	1,00	1.093.185	1,0	100%			
	Bậc	Xây gạch chi: $V=7,1*0,7*0,15+6,6*0,3*0,15$	2.001.071	VKT.20009	m3	1,04	1.919.493	1,0	100%			
	Xây bồn hoa	Xây gạch chi: $V=0,5*0,25*3,3+0,4*0,15*1,4+(0,8+1,0)*2*0,15*0,4*2$	1.782.249	VKT.20009	m3	0,93	1.919.493	1,0	100%			
		Óp gạch đỏ HL 40*40: $S=1,2*7,1+0,7*3,3+0,6*1,3+0,7*2,1+3,6*0,5*2+0,6*7,4+0,5*1,7$	6.561.890	VKT.20068	m2	21,97	298.675	1,0	100%			
2	Bếp + vệ sinh	Móng gạch chi, tường xây gạch chi 110, mái bằng BTCT, cao 2,8m: $S=3,9*3,2$	34.286.891	VKT.10363	m2 sàn XD	12,48	2.747.347	1,0	100%			
		Cộng phần tường chênh lệch so với tường tiêu chuẩn cao 2,5m $V=(2,8-2,5)*(3,79+3,09)*2*0,11$	965.698	VKT.20008	m3	0,45	2.126.713	1,0	100%			
		Cộng trát ngoài	582.457	VKT.20077	m2	4,13	141.099	1,0	100%			
		Cộng trát trong	434.922	VKT.20078	m2	4,13	105.359	1,0	100%			
	Nền	Lát gạch LD 30*30: $S=3,6*2,4$	1.898.588	VKT.20029	m2	8,64	219.744	1,0	100%			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
	Tường	Óp gạch LD 30*45: S=(3,6+2,4)*2*2,4+2,4*2,4*2+3,7*2,5+1,6*2,6-0,4*1,5*2	15.689.398	VKT.20067	m2	52,53	298.675	1,0	100%			
	Trần	Son không bả: S=3,9*3,2	821.034	VKT.20091	m2	12,48	65.788	1,0	100%			
	Cửa đi	Pano kính gỗ dôi kính: S=0,7*1,8 Skinhs =0,2*0,5=8% diện tích cửa	3.150.000	VKT.20176	m2	1,26	2.500.000	1,0	100%			
		Khuôn cửa đơn gỗ dôi: L=0,8+1,9*2	2.668.000	VKT.20185	md	4,60	580.000	1,0	100%			
	Cửa đi	Pa nô Nhôm kính vàng: S=0,65*1,8	1.170.000	VKT.20201	m2	1,17	1.000.000	1,0	100%			
	Tủ bếp	BTCT: V=0,8*0,1*1,5*2	1.370.615	VKT.20023	m3	0,24	5.710.896	1,0	100%			
		Óp gạch LD 20*30: S=2,1*1,5	992.508	VKT.20065	m2	3,15	315.082	1,0	100%			
		Cánh tủ nhôm kính: S=0,5*1,5	712.500	VKT.20202	m2	0,75	950.000	1,0	100%			
	Thiết bị	01 xi bệt	2.415.297	VKT.20294	bộ	1,00	2.415.297	1,0	100%			
		01 bình nóng lạnh Ariston 30l	66.023	VKT.20298	cái	1,00	66.023	1,0	100%			
		01 vòi hương sen	71.480	VKT.20328	bộ	1,00	71.480	1,0	100%			
		03 vòi rửa inox 304	182.274	VKT.20329	bộ	3,00	60.758	1,0	100%			
		01 chậu rửa mặt	178.699	VKT.20300	bộ	1,00	178.699	1,0	100%			
		01 gương soi	32.166	VKT.20304	cái	1,00	32.166	1,0	100%			
		02 móc treo inox	92.924	VKT.20303	cái	2,00	46.462	1,0	100%			
		02 hộp đựng xà phòng inox	64.722	VKT.20335	cái	2,00	32.361	1,0	100%			
		01 hộp giấy inox	32.361	VKT.20335	cái	1,00	32.361	1,0	100%			
		01 vòi xịt vệ sinh nhựa	46.462	VKT.20336	cái	1,00	46.462	1,0	100%			
	Bể phốt	Xây chìm gạch chi 110, có nắp BTCT: V=2,1*1,2*1,5 trong lòng nhà	11.281.376	VKT.20132	m3	3,78	2.984.491	1,0	100%			
	Bể nước	Xây chìm gạch chi 110, có nắp BTCT: V=3m3 trong lòng nhà	8.953.473	VKT.20132	m3	3,00	2.984.491	1,0	100%			
3	Nhà kho	Móng xây gạch chi, tường xây gạch PP 150, mái lợp tôn FPRXM sườn gỗ, cao TB 2,5m, mặt láng XMC: S=3,0*2,2	13.334.739	VKT.10323	m2 sàn XD	6,60	2.020.415	1,0	100%			
	Nền	BT đá 1*2: V=3,0*2,2*0,1										
	Cửa đi	Ván ghép gỗ dè: S=0,7*1,8	1.386.000	GTT	m2	1,26	1.100.000	1,0	100%			
4	Bể nước	Xây gạch chi 220, nắp BTCT: V=2,9*1,9*2,3+2,6*4,1*2,1			m3	35,06						
		V1=2,9*1,9*2,3 nổi 1,0; chìm 1,3			m3	12,67						

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
		V nổi=2,9*1,9*1,0	7.996.199	VKT.20133	m3	6,06	1.319.287	1,0	100%		
		V chìm=2,9*1,9*1,3	22.881.731	VKT.20135	m3	7,16	3.194.434	1,0	100%		
		V2=2,6*4,1*2,1 nổi 1,0; chìm 1,1			m3	22,39					
		V nổi=2,6*4,1*1,0	14.063.599	VKT.20133	m3	10,66	1.319.287	1,0	100%		
		V chìm=2,6*4,1*1,1	33.724.175	VKT.20136	m3	11,73	2.876.017	1,0	100%		
	Bể lọc	Xây nổi gạch chi 110: V=0,5*0,5*0,4*6 bể	528.439	VKT.20131	m3	0,60	880.732	1,0	100%		
	Bể nước	Xây gạch chi 110 nắp BTCT: V1=3,8*1,4*1,8 (nổi 1,0; chìm 0,8)			m3	10,76					
		V nổi=3,8*1,4*1,0	4.685.494	VKT.20131	m3	5,32	880.732	1,0	100%		
		V chìm=3,8*1,4*0,8	12.701.994	VKT.20132	m3	4,26	2.984.491	1,0	100%		
		V=0,7*0,7*0,6 là bể lọc trên V1	258.935	VKT.20131	m3	0,29	880.732	1,0	100%		
		V2=2,3*1,5*1,7 xây gạch chi 220 (Nổi 0,5; chìm 1,2)			m3	3,90					
		V nổi=2,3*1,5*0,5	2.275.770	VKT.20133	m3	1,73	1.319.287	1,0	100%		
		V chìm=2,3*1,5*1,2	13.997.601	VKT.20134	m3	4,14	3.381.063	1,0	100%		
5	Giếng nước	Cuốn gạch chi đặc D=1,0m: L=4,0m	12.000.000	GTT	cái	4,00	3.000.000	1,0	100%		
		Nắp giếng BTCT: V=3,14*0,4*0,4*0,05	143.458	VKT.20023	m3	0,03	5.710.896	1,0	100%		
	Giếng khoan	Thả ống D48 sâu 20m	2.800.000	GTT	cái	1,00	2.800.000	1,0	100%		
6	Bán mái	Lợp tôn mạ màu, sườn sắt, vì kèo sắt: S=3,2*5,5+10,5*4,5	32.902.361	VKT.20146	m2	64,85	507.361	1,0	100%		
	Cột kềm	D60: L=3,1+2,5*3	2.293.395	VKT.20259	m	10,60	216.358	1,0	100%		
7	Máy bơm nước HQ	03 cái									
	Dây điện 2*4	Từ công tơ vào nhà: L=30,0									
	Chào K+	01 bộ									
8	Sân	S=9,4*5,2+4,1*13,0+10,0*3,0+17,2*0,15			m2	134,76					
		S=9,4*5,2 trên diện tích đất ở			m2	48,88					
		BT đá 1*2 dày 0,15m	11.949.386	VKT.20015	m3	7,33	1.629.758	1,0	100%		
		Lát gạch đỏ HL 40*40	11.797.188	VKT.20056	m2	48,88	241.350	1,0	100%		



Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
	Tường	Óp gạch LD 30*45: S=(1,9+4,6)*2*2,7+4,4*2,8-0,6*1,6-0,6*0,3									
	Trần	Sơn không bả: S=2,6*5,4									
	Cửa đi	Pano gỗ dổi đặc: S=1,0*1,95									
	Cửa sổ	Nhôm kính trắng: S=0,9*0,6+0,3*0,8									
		Hoa thoáng inox 304 15*15*1,5 ly: W=(0,9*4+0,6*4+0,3*4+0,8*6)*3,84/6									
	Bàn bếp	BTCT: V=2,8*0,5*0,05									
		Lát gạch LD 60*60: S=0,6*2,8									
		Trụ xây gạch gạch chi: V=0,07*0,5*0,7*5 trụ									
		Óp trụ gạch LD 30x60: S=1,1*0,7*5 trụ									
		01 vòi inox rửa bát									
		01 chậu rửa đơn inox 304 KT 0,5*0,4									
		01 vòi rửa inox									
	Ống thông hơi	Tấm BTCT: V=0,6*0,6*0,07									
		Xây gạch chi: V=0,6*0,5*0,11*4									
2	Nhà ở 2 xây trên đất ở	Móng xây gạch chi, tường xây gạch chi 220, mái tôn mạ màu sườn sắt, cao TB 3,5m: S=4,2*8,5	213.028.290	VKT.10512	m2 sàn XD	35,70	5.967.179	1,0	100%		
	Nền	Lát gạch LD 50*50: S=3,7*8,1	7.206.856	VKT.20031	m2	29,97	240.469	1,0	100%		
	Chân tường	Óp gạch LD50x15: S=(3,7+8,1)*2*0,12+3,7*2*0,12-0,9*2*0,12	1.021.546	VKT.20061	m2	3,50	291.537	1,0	100%		
	Tường	Sơn không bả: S=(3,7+8,1)*2*2,7+3,7*2*2,7-0,9*1,7*2-0,6*0,1*2	5.297.250	VKT.20091	m2	80,52	65.788	1,0	100%		
	Tường trước nhà	Sơn không bả: S=8,5*3,5-0,9*2,0*2-0,1*0,6*2+3,7*3,0	2.442.708	VKT.20091	m2	37,13	65.788	1,0	100%		
	Trần	Nhựa phẳng có xốp chống nóng có khung xương: S=3,7*8,1	5.656.058	VKT.20099	m2	29,97	188.724	1,0	100%		
		Xốp chống nóng có khung xương	6.323.490	VKT.20098	m2	29,97	210.994	1,0	100%		
	Cửa đi	Pano gỗ dổi đặc: S=1,1*2,0*2	11.000.000	VKT.20179	m2	4,40	2.500.000	1,0	100%		
	Cửa sổ	Pano gỗ dổi đặc: S=0,9*1,4*2	6.300.000	VKT.20182	m2	2,52	2.500.000	1,0	100%		
		Hoa thoáng inox 304 dày 1,5 ly 15*15: W=(0,9*16+1,4*4)*2*3,84/6	3.712.000	VKT.20213	kg	25,60	145.000	1,0	100%		
	Bậc	Xây gạch chi: V=8,5*0,4*0,3	1.957.883	VKT.20009	m3	1,02	1.919.493	1,0	100%		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
		Lát gạch HL 40*40: S=8,5*0,7	1.436.033	VKT.20056	m2	5,95	241.350	1,0	100%		
3	Nhà ở 3 xây trên đất ở	Móng xây gạch chi, tường xây gạch chi 110, mái lợp tôn mạ màu sườn sắt vì kèo sắt, cao TB 3,2m: S=11,0*4,0	242.720.940	VKT.10522	m2 sàn XD	44,00	5.516.385	1,0	100%		
		Trừ phần tường chênh lệch so với tường tiêu chuẩn cao 3,5m V=(3,2-3,5)*(10,89+3,89)*2*0,11	-2.074.566	VKT.20008	m3	-0,98	2.126.713	1,0	100%		
		Trừ trát ngoài	-1.251.266	VKT.20077	m2	-8,87	141.099	1,0	100%		
		Trừ trát trong	-934.324	VKT.20078	m2	-8,87	105.359	1,0	100%		
	Nền	Lát gạch LD 40*40: S=10,7*3,7	8.744.204	VKT.20030	m2	39,59	220.869	1,0	100%		
	Chân tường	Óp gạch LD 40x12: S=(10,7+3,7)*2*0,12+3,7*2*3*0,12-(0,8*3+2,0*2)*0,12	1.560.306	VKT.20061	m2	5,35	291.537	1,0	100%		
	Tường trong nhà	Sơn không bả: S=(10,7+3,7)*2*2,3+3,7*2*3*2,3-(1,1*2,1*3+0,7*2,0+0,9*1,4*3)	6.920.240	VKT.20091	m2	105,19	65.788	1,0	100%		
	Tường ngoài nhà	Sơn không bả: S=(11,0+3,7)*3,2-(1,1*2,2*3+0,7*2,0+0,9*1,4*2)	3.148.114	VKT.20090	m2	35,86	87.789	1,0	100%		
	Trần	Nhựa phẳng có xốp chống nóng có khung xương: S=3,7*10,7	7.471.583	VKT.20099	m2	39,59	188.724	1,0	100%		
		Xốp chống nóng có khung xương	8.353.252	VKT.20098	m2	39,59	210.994	1,0	100%		
	Máng nước	Bằng tôn KT 0,25 cao*0,35 rộng: L=11,0	1.650.000	GTT	m	11,00	150.000	1,0	100%		
	Cửa đi	Pano gỗ lim đặc: S=1,2*2,2+0,9*2,2*2+0,7*1,8	30.654.000	VKT.20175	m2	7,86	3.900.000	1,0	100%		
	Cửa sổ	Ván ghép gỗ dè: S=0,9*1,4*3	4.158.000	GTT	m2	3,78	1.100.000	1,0	100%		
		Song cửa gỗ dè: S=0,9*1,4*3	2.521.260	GTT	m2	3,78	667.000	1,0	100%		
		Khuôn cửa đơn gỗ dè: L=1,2+2,3*2+(0,9+2,3*2)*2 cửa+(0,9+1,4)*2*3 cửa	15.300.000	GTT	m	30,60	500.000	1,0	100%		
		Nẹp cửa gỗ dàu: L=(1,2+2,3*2)*2+(0,9+2,3*2)*2*2 cửa+(0,9+1,4)*2*2 mặt*2 cửa	2.600.000	VKT.20191	md	52,00	50.000	1,0	100%		
	Bán mái xây trên sân xây dựng năm 2005 hết khấu hao tính 20%	FPRXM sườn gỗ: S=11,0*4,8	2.657.625	VKT.20138	m2	52,80	251.669	1,0	20%		
4	Nhà ở 4 xây trên đất ở	Móng xây gạch chi, tường xây gạch chi 110, mái lợp tôn mạ màu sườn sắt, cao TB 3,0m: S=3,1*5,0	85.503.968	VKT.10522	m2 sàn XD	15,50	5.516.385	1,0	100%		
		Trừ phần tường chênh lệch so với tường tiêu chuẩn cao 3,5m V=(3,0-3,5)*(2,99+4,89)*2*0,11	-1.843.435	VKT.20008	m3	-0,87	2.126.713	1,0	100%		
		Trừ trát ngoài	-1.111.860	VKT.20077	m2	-7,88	141.099	1,0	100%		
		Trừ trát trong	-830.229	VKT.20078	m2	-7,88	105.359	1,0	100%		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
	Nền	Lát gạch LD 40*40: S=2,8*4,7	2.906.636	VKT.20030	m2	13,16	220.869	1,0	100%			
	Tường	Óp gạch LD 40*90: S=(2,8+4,7)*2*1,1-0,7*1,1	5.876.524	VKT.20070	m2	15,73	373.587	1,0	100%			
		Sơn tường có bả: S=(2,8+4,7)*2*1,5-(0,7*0,9+0,9*1,2*2 cửa)	1.093.866	VKT.20095	m2	19,71	55.498	1,0	100%			
		Bả bằng bột bả vào tường	783.768	VKT.20092	m2	19,71	39.765	1,0	100%			
	Tường ngoài nhà	Sơn có bả: S=(3,1+5,0)*3,0-(0,7*1,9+0,9*1,2*2) cửa	1.512.616	VKT.20094	m2	20,81	72.687	1,0	100%			
		Bả bằng bột bả vào tường	827.510	VKT.20092	m2	20,81	39.765	1,0	100%			
	Trần	Nhựa phẳng có xốp chống nóng có khung xương: S=2,8*4,7	2.483.608	VKT.20099	m2	13,16	188.724	1,0	100%			
		Xốp chống nóng có khung xương	2.776.681	VKT.20098	m2	13,16	210.994	1,0	100%			
	Cửa đi chính	Pano chớp gỗ lim: S=2,1*0,8	6.552.000	VKT.20175	m2	1,68	3.900.000	1,0	100%			
	Cửa sổ	Ván ghép gỗ dẻ: S=0,9*1,2*2 cửa	2.376.000	GTT	m2	2,16	1.100.000	1,0	100%			
		Song cửa gỗ dẻ: S=0,9*1,2*2 cửa	1.440.720	GTT	m2	2,16	667.000	1,0	100%			
		Khuôn cửa đơn gỗ dẻ: L=1,0	500.000	GTT	m	1,00	500.000	1,0	100%			
	Cửa đi	Ván ghép gỗ dẻ: S=1,8*0,6	1.188.000	GTT	m2	1,08	1.100.000	1,0	100%			
	Bán mái	Lợp tôn FPRXM sườn gỗ: S=3,1*5,0+1,9*3,3	5.478.834	VKT.20138	m2	21,77	251.669	1,0	100%			
5	Téc nước	Inox Sơn Hà 1000l: 01 cái	1.093.185	VKT.20314	bể	1,00	1.093.185	1,0	100%			
		Nhựa 1000l: 01 cái	1.093.185	VKT.20314	bể	1,00	1.093.185	1,0	100%			
		Nhựa 2000l: 02 cái	2.186.370	VKT.20314	bể	2,00	1.093.185	1,0	100%			
6	Nhà kho xây dựng trên đất nông nghiệp năm 2006, hết khấu hao tính 20%	Móng xây gạch chi, tường xây gạch chi 110, mái lợp tôn mạ màu sườn sắt, cao TB 2,5m: S=1,9*3,3	2.277.628	VKT.10361	m2 sàn XD	6,27	1.816.290	1,0	20%			
		Trừ diện tích mái tôn xi măng	-315.593	VKT.20138	m2	-6,27	251.669	1,0	20%			
		Công diện tích mái tôn kim loại	475.864	VKT.20147	m2	6,27	379.477	1,0	20%			
	Nền	Lát gạch LD 40*40: S=1,7*3,0	225.286	VKT.20030	m2	5,10	220.869	1,0	20%			
	Tường trong nhà	Sơn có bả: S=(1,7+3,0)*2*2,5+3,3*2,5-0,9*1,7*2 mặt	377.492	VKT.20091	m2	28,69	65.788	1,0	20%			
	Ô thoáng	Khung sắt chớp kính	508.800	VKT.20198	m2	4,80	530.000	1,0	20%			
		song sắt đặc 10*10: W=(0,5*4+0,35*8)*0,01*0,01*7850	33.912	VKT.20215	kg	3,77	45.000	1,0	20%			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung			
7	Nhà tắm + nhà vệ sinh xây dựng trên đất trồng cây	Móng xây gạch chi, tường xây gạch chi 110, mái bằng BTCT, cao 2,0m: S=1,4*1,7+1,9*2,5+1,9*1,1											
		Trừ phần tường chênh lệch so với tường tiêu chuẩn cao 2,5m V=(2,0-2,5)*(1,29+1,59+1,79+2,39+1,79)*2*0,11											
		Trừ trát ngoài											
		Trừ trát trong											
	Nền	Lát gạch LD 30*30: S=1,5*1,0+1,8*1,3+1,3*0,8											
	Tường	Óp gạch LD 30*45: S=(1,5+1,0)*2*1,9+(1,8+1,3)*2*2,1+(1,3+0,8)*2*1,9+4,6*2,0-0,7*1,7*3											
	Trần	Sơn không bả: S=1,4*1,7+1,9*2,5+1,9*1,1											
	Cửa đi	Pano nhôm kính trắng: S=0,7*1,8*3 cửa											
	Thiết bị	01 xí bệt											
		01 xí xô											
		02 chậu rửa mặt											
		01 vòi tắm hoa sen											
		01 gương soi											
		04 vòi rửa inox 304											
		01 vòi xịt nhựa											
		03 hộp đựng xà phòng inox											
		01 hộp đựng giấy inox											
	01 bình nóng lạnh Ariston 15l												
	01 quạt thông gió 25*25												
	02 mắc treo quần áo inox												
7	Tường rào xây dựng năm 2001 trên phần diện tích 176,8m2	Xây gạch PP 150, có trát XMC + sơn: S=(4,3+2,8+6,5+8,2+4,6+8,5+4,4+6,7)*2,4	10.453.754	VKT.20126	m2	110,40	473.449	1,0	20%				
									80%	41.815.015,68			
		Sơn tường bao ngoài trời không bả: S=(4,3+2,8+6,5+8,2+4,6+8,5+4,4+6,7)*2,4*2	3.876.762	VKT.20090	m2	220,80	87.789	1,0	20%			BB rà soát	
									80%	15.507.048,96			
		Xây gạch PP 150, không trát, không sơn: S=30,5*2,4		VKT.20126	m2	73,20	473.449	1,0	20%	6.931.293,4			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
7	Tường rào xây dựng năm 2001 hết khấu hao tính 20%	Trừ trát	-4.131.379	VKT.20077	m2	-146,40	141.099	1,0	20%	4.131.379		
		Trừ sơn	-2.570.462	VKT.20090	m2	-146,40	87.789	1,0	20%	2.570.462		
7.1	Tường rào xây dựng năm 2001 trên phần diện tích 176,8m2	Xây gạch PP 150, không trát, không sơn: S=10,5*2,4		VKT.20126	m2	25,20	473.449	1,0	100%	11.930.914,8		
		Trừ trát		VKT.20077	m2	-50,40	141.099	1,0	100%	-7.111.390		
		Trừ sơn		VKT.20090	m2	-50,40	87.789	1,0	100%	-4.424.566		
7.2	Tường rào xây dựng năm 2001 hết khấu hao tính 20%	Xây gạch PP 150, không trát, không sơn: S=20,5*2,4		VKT.20126	m2	49,20	473.449	1,0	20%	4.658.738		
		Trừ trát		VKT.20077	m2	-98,40	141.099	1,0	20%	-2.776.828		
		Trừ sơn		VKT.20090	m2	-98,40	87.789	1,0	20%	-1.727.688		
8	Dây thép gai xây dựng trên phần diện tích 176,8m2	Cột sắt V4*4, khoảng cách 2m/cọc: W =1/6kg/m S=(4,3+2,8+6,5+8,2+4,6+8,5+4,4+6,7)*0,8	1.022.120	VKT.20220	m2	36,80	138.875	1,0	20%			
									80%	4.088.480,0		
9	Sân xây dựng trên đất nông nghiệp xây dựng năm 2006 hết khấu hao tính 20%	S=9,8*4,6+7,8*4,5+3,0*4,5+2,4*4,6+5,2*0,8			m2	108,88						
		BT đá 1*2 dày 0,1	3.548.961	VKT.20015	m3	10,89	1.629.758	1,0	20%			
		Lát gạch đỏ HL 40*40	5.255.638	VKT.20056	m2	108,88	241.350	1,0	20%			
10	Bể nước	Xây chìm gạch chi 220, có nắp BTCT: V=3,4*1,5*2,1 trong lòng nhà 3	30.802.142	VKT.20136	m3	10,71	2.876.017	1,0	100%			
		Xây chìm gạch chi 220, có nắp BTCT: V=5,6*2,2*2,1 2 ngăn trong lòng nhà 3	74.408.312	VKT.20136	m3	25,87	2.876.017	1,0	100%			
	Bể nước xây trên ở sân trên đất trồng cây xây dựng năm 2000 khấu hao < 30% tính 30%	Xây nổi ngoài sân xây gạch chi 110, có nắp BTCTTD dày 0,1: V=1,5*0,7*1,0+1,2*0,85*1,2	600.835	VKT.20131	m3	2,27	880.732	1,0	30%			
		V nắp=(1,5*1,0+1,2*1,2)*0,1	503.701	VKT.20023	m3	0,29	5.710.896	1,0	30%			
	Nắp bể	Bảng tôn: S=0,6*0,6*4	172.800	GTT	m2	1,44	120.000	1,0	100%			
11	Bê phốt trên đất trồng cây xây dựng năm 2006, khấu hao 88%	Xây gạch chi 110, có nắp BTCT: V=1,3*1,3*1,5*2 bể chìm trong lòng nhà vệ sinh	13.315.605	VKT.20132	m3	5,07	2.984.491	1,0	88%			
		Óp gạch đỏ HL 40*40: S=21,5*0,15 be mái nhà	847.640	VKT.20068	m2	3,23	298.675	1,0	88%			
12	Bán mái trên sân xây dựng 2013 khấu hao 80%	Lợp tôn mạ màu sườn sắt kèo sắt: S=6,2*4,0+3,9*4,3	16.872.797	VKT.20146	m2	41,57	507.361	1,0	80%		BB rà soát	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
	Cột kềm D60	L=3,2*2 cọc	1.107.753	VKT.20259	m	6,40	216.358	1,0	80%			
13	Trụ công xây trên đất trồng cây năm 2001, hết khấu hao tính 20%	Xây gạch chi: V=0,25*0,25*2,3*2	110.371	VKT.20009	m3	0,29	1.919.493	1,0	20%			
		Trát: S=0,25*4*2,0*2 trụ	200.394	VKT.20079	m2	4,00	250.492	1,0	20%			
		Sơn không bả: S=0,25*4*2,0*2 trụ	70.231	VKT.20090	m2	4,00	87.789	1,0	20%			BB rà soát
	Cánh công	Khung sắt hình trên hoa sắt đặc 10*10 dưới bịt pano tôn: S=1,3*2,1	175.649	VKT.20110	m2	2,73	321.701	1,0	20%			
14	Bồn hoa trên phần diện tích 176,8m2	Xây gạch chi: V=(1,1+6,4)*2*0,22*0,5		VKT.20009	m3	1,65	1.919.493	1,0	100%	3.167.163,5		
		Óp gạch đỏ HL 40*40: S=0,6*5,6+4,1*0,5	404.221	VKT.20070	m2	5,41	373.587	1,0	20%			
			80%						1.616.884,5			
		Xây gạch chi: V=9,4*0,22*0,6+(1,2*0,4+0,4*1,0)*0,3+0,85*0,5*0,3+0,9*0,4*0,15+0,5*0,25*0,4+(0,6+0,3)*2*0,15*0,11*5	723.572	VKT.20009	m3	1,88	1.919.493	1,0	20%			BB rà soát
			80%						2.894.288,3			
Óp gạch đỏ HL 40*40 bậc + bồn hoa: S=1,0*0,7+1,4*0,8+0,5*1,2+1,2*0,6+(0,6+0,3)*2*0,25*5	321.972	VKT.20068	m2	5,39	298.675	1,0	20%					
80%	1.287.886,6											
	Bể lọc nước xây dựng trên đất trồng cây xây dựng năm 1994 hết khấu hao tính 20%	Xây nổi gạch chi 110: V=0,5*0,4*0,3*2+0,7*0,8*0,4	60.594	VKT.20131	m3	0,34	880.732	1,0	20%			BB rà soát
		Nắp inox304 dày 0.3 ly : W=0,8*0,8*(4,76/2*1)	44.173	VKT.20213	kg	1,52	145.000	1,0	20%			
	Máy bơm nước HQ	01 cái										DC
	Đường ống thoát nước PVC	D90: L=15,0	2.154.510	VKT.20239	m	15,00	143.634	1,0	100%			
		D34: L=10,0	368.840	VKT.20234	m	10,00	36.884	1,0	100%			
		D21: L=40,0	1.221.240	VKT.20232	m	40,00	30.531	1,0	100%			
		Ống kềm D27: L=4,0	489.628	VKT.20256	m	4,00	122.407	1,0	100%			
	Hố ga xây dựng trên đất trồng cây xây dựng năm 1994 hết khấu hao tính 20%	Xây gạch chi 110, nắp BTCT: V=0,7*0,1*0,6*2 cái	50.139	VKT.20132	m3	0,08	2.984.491	1,0	20%			
<b>c</b>	<b>Phương án mộ (Mộ ngoài đất ở miếu Trong đất vật lập gia đình tôn tạo)</b>											
	Xây đơn giản	Bể mộ xây gạch chi 220: V=1,1*1,6*0,8 thể tích trên 0,7m3			m3	1,41						
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3	7.000.000		Ngôi	1	7.000.000	1,0	100%			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
		- Di chuyển ra ngoài địa bàn xã từ 5-10 km (Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải)	2.500.000		Ngôi	1	2.500.000					
		- Thay tiểu mới cho các mộ cát táng bị vỡ	3.000.000		Ngôi	1	3.000.000					
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng	2.000.000		Ngôi	1	2.000.000					
		Láng bê mô: $S=1,1*1,6+(1,1+1,6)*2*0,8$										Tính vào bê mô
		Chụp mộ BTCT đúc sẵn, ốp gạch LD 20*30 hoàn chỉnh, 5 cấp: $S=1,3*1,0*1,8$ cao	7.250.000	GTT	Cái	1,00	7.250.000	1,0	100%			Tính vào phần láng mộ
		Ốp gạch LD 20*30										
		Bát hương đại: 01 cái	200.000	GTT	Cái	1,00	200.000	1,0	100%			
16	Đất vật lập	$V=3,2*20,4*1,5$										
17	Dây điện	Từ công tơ vào nhà, dây HQ 2*4: L=50,0										HTDC
<b>d</b>	<b>Kiểm kê bổ sung số 359a/BB-PTQĐ&amp;QLDA ngày 02/4/2025 Công văn số 182/KT ngày 12/5/2026 của phòng Kinh tế đặc khu Cát Hải</b>											
1	Trần nhà ở 1	Ốp nhựa khung xương $S=1,4*4,6$		VKT.20099	m2	6,44	188.724	1,0	100%			
2	Tường nhà kho xây dựng năm 2015	Ốp gỗ công nghiệp khung xương $S=(1,5+3,1)*2*1,2-0,8*0,8$		VKT.20115	m2	10,40	330.000	1,0	100%	3.432.000,0		xây dựng trên đất trồng cây lâu năm
		Ốp nhựa khung xương $S=(1,5+3,1)*2*0,8-0,8*0,8$		VKT.20075	m2	6,72	505.745	1,0	100%			
	Cửa đi xây dựng năm 2011	Ván ghép gỗ dẻ $S=0,8*2,0*2$		VKT.20192	m2	3,20	500.000	1,0	64%	1.024.000,0		xây dựng trên đất trồng cây lâu năm
	Mái chống nóng xây dựng năm 2011	Mái tôn kim loại sườn sắt ko kèo $S=2,0*3,5$		VKT.20147	m2	7,00	379.477	1,0	64%	1.700.057,0		
3	Thang thoát hiểm	Sắt hộp 2x2x1,4 ly $W=(3,0*2+0,4*12)*4,83/6$		VKT.20215	kg	8,69						
	Sân xây dựng năm 2015	$S=6,4*2,0$			m2	12,80						xây dựng trên đất trồng cây lâu năm
		Lát gạch HL 40x40		VKT.20056	m2	12,80	241.350	1,0	100%	3.089.280,0		
4	Kho trên bê	Mái tôn kim loại sườn sắt ko kèo $S=2,0*7,6$		VKT.20147	m2	15,20	379.477	1,0	100%			
		Vách nhựa khung xương $S=(2,0+2,0)*2*2,0-0,7*1,8$		VKT.20110	m2	14,74	321.701	1,0	100%			
		Vách tôn kim loại sườn sắt $S=(1,2+1,2)*2*2,0-0,7*1,8$		VKT.20110	m2	8,34	321.701	1,0	100%			

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
		Cửa ván ghép gỗ dè S=0,7*1,8*2		VKT.20192	m2	2,52	500.000	1,0	100%			
		Mái chống nóng tôn kim loại sườn sắt S=3,5*5,0+4,2*12,5		VKT.20147	m2	70,00	379.477	1,0	100%			
	Nhà 4	Cửa pa nhôm kính S=0,8*2,0		VKT.20201	m2	1,60	1.000.000	1,0	100%	1.600.000,0		Xây dựng trên đất ở
		Tường ốp nhựa khung xương S=(2,6+4,7)*2*1,5-1,0*0,8-0,8*1,2		VKT.20075	m2	20,14	505.745	1,0	100%	10.185.704,3		
	Nhà 3	Chân tường ốp gỗ công nghiệp S=(5,3+3,9)*2*0,9-0,7*0,9		VKT.20115	m2	15,93	330.000	1,0	100%	5.256.900,0		
		Ốp tường bằng nhựa khung xương S1=(5,3+3,9)*2*1,5-0,7*1,3-0,8*1,2*2		VKT.20075	m2	24,77	505.745	1,0	100%			
		S2=1,7*1,5*2		VKT.20075	m2	5,10	505.745	1,0	100%			
	Lát mặt bê	gạch LD 30x30 S=3,4*1,5		VKT.20029	m2	5,10	219.744	1,0	100%	1.120.694,4		xây trong lòng nhà 3
	Ốp tường	Gạch LD 30x60 S=1,2*2,4+1,2*2,0		VKT.20069	m2	5,28	320.620	1,0	100%	1.692.873,6		
	Lát mặt bê	gạch LD 30x60 S=0,8*1,2		VKT.20029	m2	0,96	219.744	1,0	100%	210.954,2		
		Chậu rửa inox 60x40 01 cái		VKT.20321	bộ	1,00	178.699	1,0	100%			
	Nhà tắm + nhà vệ sinh	Bình nóng lạnh 01 cái		VKT.20331	bộ	1,00	781.082	1,0	100%			
		Thay xí xôm thành xí bệt 01 cái		VKT.20294	bộ	1,00	2.415.297	1,0	100%			
	Bán mái	Tôn kim loại ss ko kèo S=3,0*3,7		VKT.20147	m2	11,10	379.477	1,0	100%			
	Sân sau vườn	S=3,1*12				37,20						
	xây dựng năm 2015	Láng xi măng cát dày 3cm ko đánh màu		VKT.20044	m2	37,20	79.785	1,0	100%	2.968.002,0		Xây dựng trên đất trồng cây
	Cửa ra sau vườn xây dựng năm 2015	Pa nhôm kính S=0,6*1,9		VKT.20201	m2	1,14	1.000.000	1,0	100%	1.140.000,0		
	Nhà 2	Chân tường ốp gỗ pơ mu S=(3,5+3,7)*2*0,8-1,0*0,8		VKT.20112	m2	10,72	950.000	1,0	100%	10.184.000,0		Xây dựng trên đất ở



Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
		01 chậu rửa sứ có chân										
		01 gương soi										
		01 sen vòi										
		01 quạt thông gió										
		01 móc quần áo inox										
5	Be sân + bồn hoa	Xây gạch chi 220: $V=(6,4+1,1)*2*0,5*0,22$		VKT.20009	m3	1,65	1.919.493	1,0	100%	3.167.163,5		
		Óp gạch HL 40x40: $S=(6,4+1,1)*2*0,45$		VKT.20068	m2	6,75	298.675	1,0	100%	2.016.056,3		
		Lát gạch HL 40x40: $S=(6,4+1,1)*2*0,4$		VKT.20056	m2	6,00	241.350	1,0	100%	1.448.100,0		
6	Camera	02 cái										
7	Điều hòa	02 cái										
8	Máy bơm hàn quốc	01 cái										
9	Máng tôn KL	L=4,0*2 đường		GTT	md	8,00	150.000	1,0	100%	1.200.000,0		
<b>III.2</b>	<b>Hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản</b>		<b>14.000.000</b>							<b>0</b>		
1	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản	<i>Điểm c, Khoản 1, Điều 8, QĐ 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025: Đối với hộ gia đình, cá nhân: Đối với trường hợp di chuyển chỗ ở trong phạm vi xã miền núi, đặc khu, bồi thường: 14.000.000 đồng/hộ</i>	14.000.000		Hộ	1,00	14.000.000					
	<b>Tổng cộng =(I+II+III+IV)</b>		<b>3.908.089.000</b>							<b>358.596.400</b>	<b>4.266.685.400</b>	
<b>B</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
<b>1</b>	<b>Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>											
<b>2</b>	<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 437/TB-UBND ngày 7/11/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải</b>											
	- Ông Nguyễn Việt Uông và vợ là bà Bùi Thị Thúy: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
<b>3</b>	<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>											
	- Ông Nguyễn Việt Uông và vợ là bà Bùi Thị Thúy: được giao lô số N1-8'.10, Lô N1-8'											
<b>4</b>	<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>											
	- Ông Nguyễn Việt Uông và vợ là bà Bùi Thị Thúy: được giao diện tích 197,3m2											

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
D	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)		3.357.622.000								
I	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư		3.908.089.000								
II	Tổng số tiền bồi thường về đất		1.750.864.000								
III	Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):		550.467.000								
1	- Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Nguyễn Viết Uống và vợ là bà Bùi Thị Thúy phải nộp là:		550.467.000		m2	197,3	2.790.000,0	1,0	100%		
IV	Tiền sử dụng đất của hộ gia đình Ông Nguyễn Viết Uống và vợ là bà Bùi Thị Thúy giữ lại theo quy định (Khoản 2 điều 25 Nghị định 88/NĐ-CP)		550.467.000								
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0								

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Phạm Duy Linh (CCCD số 031076025258 )  
và vợ là bà Nguyễn Thị Hiền (CCCD số 031180012711)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

Số BBKK: 286+286a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>											
<b>I</b>	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi	1.183.704.000		m2	129,0				0	1.183.704.000	
<b>II</b>	Cây cối hoa màu		3.186.000							0	3.186.000	
<b>III</b>	Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)	Báo cáo số 104/UBND ngày 20/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản	828.506.000							0	828.506.000	
		<b>Tổng cộng =(I+II+III)</b>	<b>2.015.396.000</b>							<b>0</b>	<b>2.015.396.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>									
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
	Theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải					Phương án bổ trí Tái định cư bổ sung						
<b>1</b>	Địa điểm khu đất bổ trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải											
<b>2</b>	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải											
	- Ông Phạm Duy Linh và vợ là bà Nguyễn Thị Hiền: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải					Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026						
	- Ông Phạm Duy Linh và vợ là bà Nguyễn Thị Hiền: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải					- Ông Phạm Duy Linh và vợ là bà Nguyễn Thị Hiền: được giao lô số N1-42.24, Lô N1-42						
<b>4</b>	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải					Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026						
	'- Ông Phạm Duy Linh và vợ là bà Nguyễn Thị Hiền: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2					'- Ông Phạm Duy Linh và vợ là bà Nguyễn Thị Hiền: được giao diện tích là 126,2m2						
<b>D</b>	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>1.736.396.000</b>									
<b>III</b>	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>279.000.000</b>							73.098.000,0	<b>352.098.000</b>	
<b>1</b>	Tiền sử dụng đất hộ gia đình ông Phạm Duy Linh và vợ là bà Nguyễn Thị Hiền phải nộp là:		279.000.000		m2	100,0	2.790.000,0	1,0	100%	-279.000.000		
						126,2				352.098.000,0		
<b>E</b>	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>							<b>73.098.000,0</b>	<b>73.098.000</b>	



Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
C	<b>PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
	Theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bổ trí Tái định cư bổ sung								
1	<b>Địa điểm khu đất bổ trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>											
2	<b>Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 342/TB-UBND ngày 13/5/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải (UBND huyện Cát Hải cũ)</b>											
	- Bà Nguyễn Thị Chiêm - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đỗ Văn Thắng (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
	- Ông Đỗ Minh Thành và vợ là Đoàn Thị Hà Oanh: là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất											
3	<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>			<b>Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026</b>								
	- Bà Nguyễn Thị Chiêm - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đỗ Văn Thắng (đã chết): được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Bà Nguyễn Thị Chiêm - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đỗ Văn Thắng (đã chết): được giao lô số 3.1, Lô TDC 03								
	- Ông Đỗ Minh Thành và vợ là Đoàn Thị Hà Oanh: được giao lô số N4-20'.51, Lô N4-20'											
4	<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025</b>			<b>Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026</b>								
	- Bà Nguyễn Thị Chiêm - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đỗ Văn Thắng (đã chết): dự kiến được giao diện tích là 100,0m2			- Bà Nguyễn Thị Chiêm - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đỗ Văn Thắng (đã chết): được giao diện tích là 103,5m2								
	- Ông Đỗ Minh Thành và vợ là Đoàn Thị Hà Oanh: được giao diện tích 80,0m2											
D	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>1.603.655.000</b>									
III	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		<b>502.200.000</b>							<b>9.765.000,0</b>	<b>511.965.000</b>	
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Bà Nguyễn Thị Chiêm - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đỗ Văn Thắng (đã chết) dự kiến phải nộp là:		279.000.000			100,0				-279.000.000		
					m2	103,5	2.790.000	1,0	100%	288.765.000		
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Đỗ Minh Thành và vợ là Đoàn Thị Hà Oanh phải nộp là:		223.200.000			80,0	2.790.000	1,0	100%			
E	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>							<b>9.765.000,0</b>	<b>9.765.000</b>	

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

**Họ và tên:** Bà Nguyễn Thị Kim Dung (CCCD số 02/144002206) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Xuân Trúc (đã chết)  
**Địa chỉ:** Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

Số BBKK: 342+342a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi	2.235.307.000	0		m2	196,2				0	2.235.307.000	
<b>II</b>	Cây cối hoa màu		640.000	0							0	640.000	
<b>III</b>	Vật kiến trúc = III.1+III.2+III.3	Báo cáo số 99/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản	1.524.637.000	76.200.000							0	1.600.837.000	
<b>III.1</b>	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc		1.510.636.669	0									
	<b>Tổng cộng =(I+II+III)</b>		<b>3.760.584.000</b>	<b>76.200.000</b>							<b>0</b>	<b>3.836.784.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>	<b>0</b>									
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>												
<b>I</b>	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí Tái định cư bổ sung						
<b>1</b>	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải												
<b>2</b>	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải												
	- Bà Nguyễn Thị Kim Dung - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Xuân Trúc (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
	-Bà Nguyễn Thị Mai Hoa và con gái Hoàng Mai Phương: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bóc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bóc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bóc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026						
	- Bà Nguyễn Thị Kim Dung - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Xuân Trúc (đã chết): được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Bà Nguyễn Thị Kim Dung - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Xuân Trúc (đã chết): được giao lô số N1-42.38, Lô N1-42									
	- Bà Nguyễn Thị Mai Hoa và con gái Hoàng Mai Phương: được giao lô số N2-10.24, Lô N2-10						- Bà Nguyễn Thị Mai Hoa và con gái Hoàng Mai Phương: được giao lô số N2-10.25, Lô N2-10						
<b>4</b>	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bóc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bóc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bóc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026						
	- Bà Nguyễn Thị Kim Dung - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Xuân Trúc (đã chết): dự kiến được giao diện tích là 100,0m2			- Bà Nguyễn Thị Kim Dung - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Xuân Trúc (đã chết): được giao diện tích là 100,0m2									
	- Bà Nguyễn Thị Mai Hoa và con gái Hoàng Mai Phương: được giao diện tích 80,0m2						- Bà Nguyễn Thị Mai Hoa và con gái Hoàng Mai Phương: được giao diện tích 80,0m2						



**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Phạm Thị Tảo (CCCD số 031165015964 )

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 294+294a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>											
<b>I</b>	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi	318.407.000		m2	34,70				0	318.407.000	
<b>II</b>	Vật kiến trúc= II.1+II.2+II.3	Báo cáo số 99/BC-UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản	395.723.000							2.912.000	398.635.000	
<b>III.1</b>	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc		381.722.877							0		
<b>II.2</b>	Các hạng mục tài sản tại BBKK bổ sung số 353b/BB-QLDA ngày 23/12/2025 Công văn số 26/KT ngày 23/01/2026 của phòng Kinh tế đặc khu Cát Hải		0							2.911.717,2		
	Trần gian nhà chính	Xốp có khung xương nằm dưới trần nhựa: S=3,0*4,6		VKT.20098	m2	13,80	210.994	1,0	100%	2.911.717,2		Xây dựng năm 2001
<b>II.3</b>	Hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản		14.000.000							0		
	<b>Tổng cộng =(I+II+III)</b>		<b>714.130.000</b>							<b>2.912.000</b>	<b>717.042.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>							<b>0</b>		
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>											
	Theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí Tái định cư bổ sung								
<b>1</b>	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải											
<b>2</b>	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải											
	- Bà Phạm Thị Tảo: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.											
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026								
	- Bà Phạm Thị Tảo: được giao lô số N4-20'.46, Lô N4-20'			- Bà Phạm Thị Tảo: được giao lô số N1-41'.6, Lô N1-41'								
<b>4</b>	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026								
	- Bà Phạm Thị Tảo: được giao diện tích 80,0m2			- Bà Phạm Thị Tảo: được giao diện tích 80,0m2								
<b>D</b>	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>490.930.000</b>									
<b>E</b>	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>									

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Dương Quang Độ (CCCD số 031056009187)  
và vợ là Nguyễn Thị Thoa (CCCD số 022157001844)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 283+283a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi	690.953.000	0		m2	75,3				0	690.953.000	
<b>II</b>	Cây cối hoa màu		249.000	-							0	249.000	
<b>III</b>	Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)	<i>Báo cáo số 113/UBND ngày 9/5/2025 ngày 29/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	209.594.000	0							0	209.594.000	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>900.796.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>900.796.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>								<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>												
<b>I</b>	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải				Phương án bố trí Tái định cư bổ sung					
<b>1</b>	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải												
<b>2</b>	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải												
	- Ông Dương Quang Độ và vợ là Nguyễn Thị Thoa: là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải đi chuyên chỗ ở.												
	- Ông Dương Minh Anh và vợ là Cao Thị Thu Trang: là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất.												
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026				Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026					
	- Ông Dương Quang Độ và vợ là Nguyễn Thị Thoa: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Dương Quang Độ và vợ là Nguyễn Thị Thoa: được giao lô số N4-8.41, Lô N4-8									
	- Ông Dương Minh Anh và vợ là Cao Thị Thu Trang: được giao lô số N4-20'48, Lô N4-20'							- Ông Dương Minh Anh và vợ là Cao Thị Thu Trang: được giao lô số N1-41'.5, Lô N1-41'					

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025		Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình và biên bản làm việc ngày 9/2/2026		Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 16/4/2026							
	- Ông Dương Quang Độ và vợ là Nguyễn Thị Thoa: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2		- Ông Dương Quang Độ và vợ là Nguyễn Thị Thoa: được giao diện tích là 100,0m2									
	- Ông Dương Minh Anh và vợ là Cao Thị Thu Trang: được giao diện tích 80,0m2				- Ông Dương Minh Anh và vợ là Cao Thị Thu Trang: được giao diện tích 80,0m2							
D	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢP (=I-IV)		398.596.000									
E	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)		0									



**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHÍ NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Bùi Văn Tuệ (CCCD số 031059004663)  
 Vợ là bà Đỗ Thị Tuyết (CCCD số 031162005689)  
 Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 315+315a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BHTT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BHTT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BHTT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BHTT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.338.778.000</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>145,9</b>				<b>0</b>	<b>1.338.778.000</b>	
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>1.374.000</b>	<b>-</b>							<b>0</b>	<b>1.374.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = (III.1+III.2+III.3)</b>	<i>Báo cáo số 113/UBND ngày 29/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>844.026.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>844.026.000</b>	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>2.184.178.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>2.184.178.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>								<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>												
<b>I</b>	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí Tái định cư bổ sung						
<b>1</b>	<b>Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải</b>												
<b>2</b>	<b>Đối tượng:</b>												
	- Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải: Ông Bùi Văn Tuệ vợ là bà Đỗ Thị Tuyết là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
	- Căn cứ Thông báo số 437/TB-UBND ngày 7/11/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải: Bà Bùi Thị Tuyết Nhung và con Trịnh Trường Đạt Phúc là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất.												
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026						
	- Ông Bùi Văn Tuệ vợ là bà Đỗ Thị Tuyết: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Bùi Văn Tuệ vợ là bà Đỗ Thị Tuyết: được giao lô số N4-8.24, Lô N4-8			- Ông Bùi Văn Tuệ vợ là bà Đỗ Thị Tuyết: được giao lô số N1-9'.13, Lô N1-9'						
	- Bà Bùi Thị Tuyết Nhung và con Trịnh Trường Đạt Phúc: được giao lô số N2-11.22, Lô N2-11												
<b>4</b>	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026						
	- Ông Bùi Văn Tuệ vợ là bà Đỗ Thị Tuyết: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2			- Ông Bùi Văn Tuệ vợ là bà Đỗ Thị Tuyết: được giao diện tích là 100,0m2			- Ông Bùi Văn Tuệ vợ là bà Đỗ Thị Tuyết: được giao diện tích là 100,0m2						
	- Bà Bùi Thị Tuyết Nhung và con Trịnh Trường Đạt Phúc: được giao diện tích 76,2m2												
<b>D</b>	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢ (=I-IV)</b>		<b>1.692.580.000</b>										
<b>E</b>	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢ THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>										

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Lê Thị Thủy (CCCD số 031163019650)  
Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

Số BBKK: 325+325a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>												
<b>I</b>	<b>Đất</b>	<b>Tổng diện tích đất thu hồi</b>	<b>1.212.150.000</b>	<b>0</b>		<b>m2</b>	<b>132,1</b>				<b>0</b>	<b>1.212.150.000</b>	
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>		<b>2.000.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>2.000.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vật kiến trúc = III.1+III.2+III.3</b>	<i>Báo cáo số 113/UBND ngày 29/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	<b>472.436.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>472.436.000</b>	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1.686.586.000</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>1.686.586.000</b>	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		<b>0</b>								<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>												
<b>I</b>	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải				Phương án bố trí Tái định cư bổ sung					
<b>1</b>	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải												
<b>2</b>	<b>Đối tượng:</b>												
	- Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải: Bà Lê Thị Thủy là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
	- Căn cứ Thông báo số 342/TB-UBND ngày 13/5/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải (UBND huyện Cát Hải cũ): Ông Phạm Văn Hải và vợ là Vũ Thị Dịu là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất.												
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026				Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026 và ngày 8/5/2026					
	- Bà Lê Thị Thủy: được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Bà Lê Thị Thủy: được giao lô số N4-8.32, Lô N4-8				- Bà Lê Thị Thủy: được giao lô số N4-8.39, Lô N4-8					
	- Ông Phạm Văn Hải và vợ là Vũ Thị Dịu: được giao lô số N2-11.20, Lô N2-11												
<b>4</b>	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026				Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026					
	- Bà Lê Thị Thủy: dự kiến được giao diện tích là 100,0m2			- Bà Lê Thị Thủy: được giao diện tích là 100,0m2				- Bà Lê Thị Thủy: được giao diện tích là 100,0m2					
	- Ông Phạm Văn Hải và vợ là Vũ Thị Dịu: được giao diện tích 76,2m2												
<b>D</b>	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (=I-IV)</b>		<b>1.194.988.000,0</b>										
<b>E</b>	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>										

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Hà Thị Quyết (CCCD số 031161012305) - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Chu Tiến Đức (đã chết)  
Địa chỉ: Thôn Dôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 340+340a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Giá trị BTHT theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>													
I	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi	1.158.011.000			m2	126,20				0	1.158.011.000	
II	Cây cối hoa màu		606.000								0	606.000	
II	Vật kiến trúc = (II.1+II.2)	<i>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	302.015.000								0	302.015.000	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1.460.632.000</b>								<b>0</b>	<b>1.460.632.000</b>	
<b>B SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>			<b>0</b>								<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>C PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>													
I	Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND đặc khu Cát Hải				Phương án bổ trí Tái định cư bổ sung					
1	Địa điểm khu đất bổ trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải												
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 556/TB-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải												
	- Bà Hà Thị Quyết - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Chu Tiến Đức (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở.												
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026				Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026 và ngày 8/5/2026					
	- Bà Hà Thị Quyết - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Chu Tiến Đức (đã chết): được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Bà Hà Thị Quyết - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Chu Tiến Đức (đã chết): được giao lô số N4-8.31, Lô N4-8				- Bà Hà Thị Quyết - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Chu Tiến Đức (đã chết): được giao lô số N4-8.42, Lô N4-8					
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải; Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 9/2/2026				Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 8/5/2026					
	- Bà Hà Thị Quyết - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Chu Tiến Đức (đã chết): dự kiến được giao diện tích là 100,0m2			- Bà Hà Thị Quyết - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Chu Tiến Đức (đã chết): được giao diện tích là 100,0m2				- Bà Hà Thị Quyết - đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Chu Tiến Đức (đã chết): được giao diện tích là 100,0m2					
D	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢP (=I-IV)</b>		<b>1.181.632.000</b>										
E	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		<b>0</b>										

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGÕ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Bà Trần Thị Hoan (CCCD số 031181001943) - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đoàn Đức Chiến (đã chết)

Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 284+284a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>										
<b>I</b>	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi	844.192.000		m2	92,0				0	
<b>II</b>	Cây cối hoa màu		498.000							0	
<b>III</b>	Vật kiến trúc =III.1+III.2+III.3	Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản	239.183.000							0	
		Tổng cộng =(I+II+III+IV)	1.083.873.000							0	
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>		0								
<b>C</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ</b>										
	Theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bổ trí Tái định cư bổ sung							
<b>1</b>	Địa điểm khu đất bổ trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải										
<b>2</b>	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 342/TB-UBND ngày 13/5/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 541/TB-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải							
	- Bà Trần Thị Hoan - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đoàn Đức Chiến (đã chết): là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở tái định cư, phải di chuyển chỗ ở										
				- Ông Trần Đức Đạt vợ là Vũ Thị Mai Hoa: là hộ được xem xét hỗ trợ để giao thêm đất ở có thu tiền sử dụng đất.							
<b>3</b>	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025										
	- Bà Trần Thị Hoan - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đoàn Đức Chiến (đã chết) được giao lô số N4-10.03, Lô N4-10										
				- Ông Trần Đức Đạt vợ là Vũ Thị Mai Hoa: được giao lô số N1-41'.13, Lô N1-41'							
<b>4</b>	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và Kết quả bốc phiếu xác định vị trí thửa đất giao cho hộ gia đình ngày 5/12/2025										
	- Bà Trần Thị Hoan - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đoàn Đức Chiến (đã chết) được giao diện tích 85,0m2										
				- Ông Trần Đức Đạt vợ là Vũ Thị Mai Hoa: được giao diện tích 80,0m2							
<b>D</b>	<b>TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢP (=I-IV)</b>		846.723.000								
<b>III</b>	<b>Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất):</b>		237.150.000							223.200.000,0	460.350.000
1	Tiền sử dụng đất hộ gia đình bà Trần Thị Hoan phải nộp là:		237.150.000								
2	Tiền sử dụng đất hộ gia đình Ông Trần Đức Đạt vợ là Vũ Thị Mai Hoa phải nộp là:				80,0	2.790.000,0	1,0	100%	223.200.000,0		
<b>E</b>	<b>SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢP THEO QUY ĐỊNH = (III-IV)</b>		0							223.200.000,0	223.200.000

**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Hiếu (CCCD số 031052002536)  
và vợ là Đoàn Thị Sáng (CCCD số 031154009867)  
Địa chỉ: Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải

BBKK số : 341+341a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị BTHT theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị BTHT sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Giá trị BTHT điều chỉnh, bổ sung		
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>											
<b>I</b>	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi:	1.914.024.000		m2	168,0					0	1.914.024.000
<b>II</b>	Cây cối hoa màu		1.369.000								0	1.369.000
<b>III</b>	Vật kiến trúc = III.1+III.2+III.3+III.4	<i>Báo cáo số 100/UBND ngày 9/5/2025 của UBND thị trấn Cát Hải về kết quả xác minh năm xây dựng các hạng mục tài sản</i>	666.511.337								77.333.000	743.844.337
<b>III.1</b>	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc		652.511.337									
<b>III.2</b>	<i>Các hạng mục tài sản tại biên bản kiểm kê bổ sung số 341a/BB-TTPTQĐ ngày 25/2/2025</i>		0									
<b>III.3</b>	Các hạng mục tài sản tại BBKK bổ sung số 353b/BB-QLDA ngày 23/12/2025										45.999.850	
	Bê phốt cạnh đường 356 xây dựng ngoài diện tích 168,0m2	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=3,0*1,8*1,5 sâu										
		V chìm=3,0*1,8*1,2										
		V nổi=3,0*1,8*0,3										
		Xây gạch chỉ 220, nắp BTCT, xây chìm gần máy làm đá: V=2,4*2,0*1,5*2 bê		VKT.20135	m3	14,40	3.194.434	1,0	100%	45.999.850		Công văn số 26/KT ngày 23/01/2026
<b>III.4</b>	Các hạng mục tài sản tại BBKK bổ sung số 353c/BB-QLDA ngày 26/5/2026									31.333.008		
	Hố ga	Xây gạch chỉ 220, nắp BTCT, xây chìm năm 1987: V=2,6*1,3*1,5		VKT.20134	m3	5,1	3.381.063	1,0	100%	17.141.989		
	Giếng	Xây gạch chi sâu 4,5m, D110		GTT	md	4,50	3.000.000	1,0	100%	13.500.000		
		Nắp BTCT V=1,1*1,1*0,1		VKT.20023	m3	0,12	5.710.896	1,0	100%	691.018		
<b>III.5</b>	Hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản		14.000.000									
		<b>Tổng cộng =(I+II+III)</b>	<b>2.581.904.000</b>								<b>77.333.000</b>	<b>2.659.237.000</b>
<b>B</b>	<b>SỐ TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI</b>										<b>0</b>	